

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT**

NGUYỄN DŨNG TIẾN

**ĐẶC XÁ, ĐẠI XÁ
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN**

LUẬN VĂN THẠC SỸ

Người hướng dẫn: PGS.TSKH. Lê văn Cẩm

Hà nội - 2005

NHỮNG TỪ VIẾT TẮT TRONG LUẬN VĂN

1. CHHP :
Chấp hành hình phạt
2. HĐTVĐX :
Hội đồng Tư vấn đặc xá
3. PLHS :
Pháp luật hình sự
4. TAND :
Toà án nhân dân
5. TANDTC :
Toà án nhân dân tối cao
6. TNHS :
Trách nhiệm hình sự
7. TTHS :
Tổ tụng hình sự
8. VKSND :
Viện kiểm sát nhân dân
9. VKSNDTC :
Viện kiểm sát nhân dân tối cao

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
CHƯƠNG 1- MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐẶC XÁ, ĐẠI XÁ	9
1.1. <i>ý nghĩa, khái niệm và bản chất pháp lý của đặc xá, đại xá</i>	9
1.1.1. Ý nghĩa của đặc xá, đại xá	9
1.1.2. Khái niệm, các đặc điểm cơ bản và bản chất pháp lý của chế định đặc xá.....	12
1.1.3. Khái niệm, các đặc điểm cơ bản và bản chất pháp lý của chế định đại xá	20
1.1.4. Phân biệt chế định đặc xá với chế định đại xá	28
1.2. <i>Đặc xá, đại xá theo quy định của PLHS một số nước</i>	31
1.2.1. Đặc xá, đại xá theo quy định của PLHS Liên bang Nga	31
1.2.2. Đặc xá, đại xá theo quy định của PLHS Hoa Kỳ.....	32
1.3. <i>Đặc xá, đại xá theo quy định của PLHS Việt Nam</i>	33
1.3.1. Đặc xá, đại xá theo quy định của PLHS Việt Nam trong thời kỳ nhà nước phong kiến.....	33
1.3.2. Đặc xá, đại xá theo quy định của PLHS Việt Nam từ năm 1945 đến nay.....	38
1.4. <i>Phân biệt đặc xá, đại xá với một số chế định liên hệ khác trong PLHS</i>	39
1.4.1. Phân biệt đặc xá, đại xá với miễn trách nhiệm hình sự	39
1.4.2. Phân biệt đặc xá, đại xá với miễn hình phạt	41
1.4.3. Phân biệt đặc xá, đại xá với miễn CHHP	43
1.4.4. Phân biệt đặc xá, đại xá với giảm mức hình phạt đã tuyên	44
1.4.5. Phân biệt đặc xá, đại xá với án tích.....	46
CHƯƠNG 2- THỰC TIỄN CÔNG TÁC ĐẶC XÁ, ĐẠI XÁ Ở NƯỚC TA VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT VỀ ĐẶC XÁ VÀ ĐẠI XÁ TRONG THỜI GIAN TỚI	50
2.1. <i>Thực tiễn công tác xét đặc xá ở nước ta</i>	50
2.1.1. Thực tiễn công tác đặc xá trước năm 1975	50
2.1.2. Thực tiễn công tác đặc xá từ năm 1975 đến 1992.....	58
2.1.3. Thực tiễn công tác đặc xá từ năm 1992 đến nay	65
2.1.4. Kết quả công tác đặc xá trong những năm gần đây	70

2.2. <i>Thực tiễn công tác xét đại xá ở nước ta</i>	71
2.2.1. Lần đại xá thứ nhất.....	71
2.2.2. Lần đại xá thứ hai.....	72
2.3. <i>Một số đánh giá về công tác đặc xá và đại xá</i>	73
2.4. <i>Một số đề xuất về đặc xá và đại xá trong thời gian tới</i>	75
2.4.1. Hoàn thiện quy định về đặc xá, đại xá trong Bộ luật Hình sự.....	75
2.4.2. Xây dựng Luật đại xá và đặc xá.....	77
KẾT LUẬN	86
TÀI LIỆU THAM KHẢO	88

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Chính sách pháp luật của Nhà nước ta đối với tội phạm là trừng trị kết hợp với giáo dục, thông qua hình phạt để răn đe, giáo dục, cảm hoá, cải tạo người phạm tội trở thành người lương thiện, qua đó bồi dưỡng mọi công dân tinh thần, ý thức làm chủ xã hội, ý thức tuân thủ pháp luật, chủ động tham gia phòng và chống tội phạm.

Đặc xá và đại xá là những chế định pháp lý có ý nghĩa tổng hợp về mặt chính trị - xã hội - pháp lý đặc biệt, thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng, Nhà nước và truyền thống nhân đạo của dân tộc đối với người phạm tội; giáo dục, động viên những người bị kết án đang CHHP tù tại các trại giam, trại tạm giam tích cực cải tạo, học tập, lao động, chấp hành tốt các quy định, nội quy của trại giam, phấn đấu lập công chuộc tội để có thể hưởng đặc xá, sớm trở về tái hoà nhập với cộng đồng; đồng thời góp phần đấu tranh với những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động âm mưu chống phá Nhà nước ta dưới chiêu bài tự do tôn giáo và nhân quyền; trong những năm gần đây, đặc xá còn có ý nghĩa kinh tế, giúp thu hồi tài sản của Nhà nước và nhân dân.

Nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn hay có các sự kiện quan trọng của đất nước, căn cứ vào Điều 103 Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25/12/2001 của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10, xét đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước quyết định đặc xá tha tù cho những phạm nhân đang CHHP tù tại các trại giam, trại tạm giam do Bộ Công an và Bộ Quốc phòng quản lý, hoặc miễn CHHP tù cho những người bị kết án phạt tù đang được hoãn hoặc tạm đình chỉ CHHP tù có đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quyết định đặc xá của Chủ tịch nước. Kể từ ngày Cách mạng

tháng 8/1945 thành công đến nay, Nhà nước đã 2 lần tiến hành đại xá và khoảng 35 lần tiến hành đặc xá cho rất nhiều người phạm tội nói chung và người phạm tội bị kết án nói riêng.

Mặc dù, đặc xá, đại xá có ý nghĩa tổng hợp đặc biệt như vậy, nhưng cho đến nay vẫn chưa có văn bản pháp quy nào xác định rõ khái niệm, hình thức và nội dung của hai chế định này. Công tác đặc xá được tiến hành thường xuyên nhưng vẫn mang tính thời điểm; mỗi lần xét đặc xá, Hội đồng Tư vấn đặc xá Trung ương (do Chủ tịch nước thành lập) lại có văn bản hướng dẫn thi hành quyết định của Chủ tịch nước về đặc xá trong đó quy định cụ thể hơn về đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục tiến hành xét đặc xá.

Bên cạnh đó, khi nghiên cứu về chế định đặc xá, chế định đại xá, vẫn còn nhiều quan điểm khác nhau, thậm chí trong điều kiện Luật đặc xá đang được các cơ quan chức năng tích cực xây dựng dự thảo đầu tiên, thì việc xem xét chế định đặc xá, chế định đại xá thuộc ngành luật nào (hiến pháp, hành chính, hình sự hay TTHS) vẫn chưa thống nhất; ngay cả đối với những người có chung quan điểm cho rằng chế định đặc xá, chế định đại xá thuộc phạm vi điều chỉnh của PLHS, thì cũng chưa thống nhất với nhau về nội hàm của hai chế định này.

Chính vì vậy, trong thời kỳ đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh cải cách tư pháp và trong xu thế hội nhập quốc tế ngày càng rộng và sâu hơn, yêu cầu nghiên cứu chế định đặc xá, chế định đại xá một cách khoa học và có hệ thống là vấn đề có tính chất thời sự và rất cần thiết.

2. Tình hình nghiên cứu

Có thể nói, đặc xá, đại xá là những chế định pháp lý có ý nghĩa tổng hợp đặc biệt, được một số nhà khoa học pháp lý quan tâm nghiên cứu và được đề cập đến trong các bài viết trên báo chí, nhất là các báo, tạp chí chuyên ngành

luật. Tuy nhiên, các nghiên cứu về đặc xá, đại xá nói trên chỉ tập trung nghiên cứu về lý luận hoặc dừng lại ở việc nêu vấn đề mà không đưa ra những giải pháp để xây dựng và hoàn thiện chế định đặc xá, chế định đại xá. Lần pháp điển hoá luật hình sự năm 1999, trong công trình nghiên cứu về hệ thống các điều khoản trong bốn chương đầu tiên của Dự thảo biên soạn mới Bộ luật hình sự (Phần chung), TSKH. PGS Lê Cẩm đã có những kiến nghị xác đáng về việc quy định cụ thể chế định đặc xá và đại xá trong Bộ luật Hình sự năm 1999 với tính chất là hai chế định pháp lý độc lập thuộc Phần chung, nhưng đến nay vẫn chưa được các nhà làm luật tiếp thu và ghi nhận.

Chính vì vậy, cần phải có những nghiên cứu một cách khoa học và có hệ thống về chế định đặc xá, chế định đại xá trên cơ sở lý luận và thực tiễn công tác đặc xá, đại xá ở nước ta trong những năm qua, để đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn và yêu cầu của công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền.

3. Mục đích và nhiệm vụ của luận văn

Mục đích của luận văn là: nghiên cứu lý luận và thực tiễn công tác đặc xá, đại xá từ năm 1945 đến nay để làm sáng tỏ chế định đặc xá, chế định đại xá dưới góc độ PLHS, qua đó đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện về mặt lập pháp chế định đặc xá, chế định đại xá trong thời gian tới.

Từ mục đích đó, đề tài có các nhiệm vụ sau:

- Xem xét và lý giải về mặt lý luận và thực tiễn đặc xá, đại xá dưới góc độ PLHS, mà cụ thể là của luật hình sự và TTHS. Chứng minh đặc xá là chế định pháp lý hình sự; đại xá là chế định pháp lý hình sự và TTHS.

- Làm rõ khái niệm, đặc điểm cơ bản và bản chất pháp lý của chế định đặc xá, chế định đại xá; phân biệt chế định đặc xá với chế định đại xá; phân biệt chế định đặc xá, chế định đại xá với một số chế định liền kề khác trong PLHS.

- Tìm hiểu thực tiễn đặc xá, đại xá ở nước ta từ khi Cách mạng tháng

8/1945 thành công đến nay, kết hợp với những vấn đề lý luận đã nghiên cứu trên cơ sở đó đưa ra kiến nghị về mô hình lý luận của chế định đặc xá, chế định đại xá trong PLHS Việt Nam và đề xuất những nội dung cơ bản của Luật đại xá và đặc xá.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận của chế định đặc xá, chế định đại xá; các quy định về đặc xá, đại xá; cũng như thực tiễn công tác đặc xá, đại xá, đặc biệt là công tác đặc xá ở nước ta từ năm 1945 đến nay.

5. Cơ sở khoa học và phương pháp nghiên cứu

- Cơ sở lý luận: Đề tài thực hiện trên cơ sở phương pháp luận chủ nghĩa duy vật lịch sử và chủ nghĩa duy vật biện chứng Mác-xít; tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách tư pháp và chính sách nhân đạo đối với người phạm tội, trong đó có đặc xá, đại xá.

- Cơ sở thực tiễn: Thực tế công tác đặc xá, đại xá, đặc biệt là công tác đặc xá ở nước ta từ sau Cách mạng tháng 8/1945 đến nay.

- Phương pháp nghiên cứu cụ thể: lịch sử, thống kê, tổng hợp, phân tích, so sánh đối chiếu, trao đổi chuyên gia...

6. Điểm mới của luận văn

- Nghiên cứu chế định đặc xá, chế định đại xá một cách có hệ thống trên cơ sở lý luận và thực tiễn công tác đặc xá, đại xá, đặc biệt là công tác đặc xá ở nước ta từ sau Cách mạng tháng 8/1945 đến nay.

- Nêu ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện về mặt lập pháp chế định đặc xá, chế định đại xá trong thời gian tới; cụ thể là việc ghi nhận chế định đặc xá, chế định đại xá trong Bộ luật Hình sự Việt Nam và xây dựng một số nội dung cơ bản của Luật đại xá và đặc xá.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và tài liệu tham khảo, nội dung chính của luận văn chia làm 2 chương.

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về đặc xá, đại xá

Chương 2: Thực tiễn công tác đặc xá, đại xá ở nước ta và một số đề xuất về đặc xá và đại xá trong thời gian tới

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐẶC XÁ, ĐẠI XÁ

1.1. Ý NGHĨA, KHÁI NIỆM VÀ BẢN CHẤT PHÁP LÝ CỦA ĐẶC XÁ, ĐẠI XÁ

1.1.1. Ý nghĩa của đặc xá, đại xá

Đặc xá, đại xá là những chế định pháp lý có ý nghĩa tổng hợp về chính trị - xã hội - pháp lý đặc biệt, thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng, Nhà nước và truyền thống nhân đạo của dân tộc ta đối với người phạm tội. Đặc xá, đại xá được cơ quan có thẩm quyền tuyên bố đối với người phạm tội nhân dịp kỷ niệm những ngày lễ lớn hay có sự kiện quan trọng của đất nước hoặc theo đơn xin ân giảm của người bị kết án, của thân nhân hay người đại diện cho người đó. Đặc xá, đại xá có ý nghĩa to lớn đối với người phạm tội, đối với gia đình, thân nhân người phạm tội và xã hội; đồng thời góp phần đấu tranh với những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động âm mưu chống phá Nhà nước ta dưới chiêu bài tự do tôn giáo và nhân quyền; trong những năm gần đây, đặc xá còn có ý nghĩa kinh tế, giúp thu hồi tài sản của Nhà nước và nhân dân.

1.1.1.1. Đối với người phạm tội

Đặc xá, đại xá là một đặc ân của Đảng, Nhà nước mang đến cơ hội làm lại cuộc đời sớm hơn cho những người phạm tội (bị kết án), thậm chí là cả một cơ hội thoát khỏi sự trừng phạt nghiêm khắc nhất của pháp luật hình sự (hình phạt tử hình) để tiếp tục được sống. Đặc xá tác động trực tiếp đến tâm lý, tình cảm và thái độ CHHP tù của phạm nhân. Có thể nói, việc Chủ tịch nước quyết định đặc xá tha tù cho người bị kết án phạt tù đang CHHP tù, đang được hoãn CHHP tù hoặc tạm đình chỉ CHHP tù có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quyết định của Chủ tịch nước nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước và nhân các sự kiện đặc biệt khác đã động viên các phạm

nhân phần đầu học tập, lao động, cải tạo tốt, lập công chuộc tội, ăn năn hối cải để có thể được hưởng đặc xá, sớm trở về hoà nhập với cộng đồng.

1.1.1.2. Đối với gia đình, thân nhân người phạm tội và xã hội

Đặc xá, đại xá có ý nghĩa rất tích cực đối với gia đình, thân nhân người phạm tội và tác động đến toàn xã hội. Mỗi lần đặc xá, rất nhiều phạm nhân sẽ trở về sinh sống tại các địa phương trong cả nước. Đây là niềm vui lớn của rất nhiều gia đình Việt Nam có người thân được đặc xá. Thực tế công tác đặc xá những năm qua cho thấy, chính quyền địa phương, đoàn thể và gia đình phạm nhân đã phối hợp chặt chẽ, làm tốt công tác "hậu đặc xá". Những phạm nhân được đặc xá tha tù khi trở về địa phương được tạo điều kiện thuận lợi để có việc làm, sớm ổn định cuộc sống và tái hoà nhập cộng đồng. Tỷ lệ tái phạm thấp, tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội sau khi đặc xá vẫn tiếp tục ổn định.

1.1.1.3. Thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng, Nhà nước và truyền thống nhân đạo của dân tộc

Đặc xá, đại xá thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng, Nhà nước đối với những người đã một thời lầm đường lạc lối, đồng thời nó cũng thể hiện truyền thống nhân đạo của dân tộc ta - "Đánh kẻ chạy đi ai đánh kẻ chạy lại". Đặc xá, đại xá thể hiện bản chất ưu việt, tinh thần nhân đạo, bao dung và tôn trọng quyền con người của Nhà nước ta đối với những người có quá khứ lầm lỗi mà trong quá trình lao động, cải tạo, CHHP họ đã nhận thức được và thực sự mong muốn đóng góp phần còn lại của cuộc đời cho lợi ích quốc gia, trong đó có lợi ích của bản và gia đình thân họ. Đặc xá còn là sự ghi nhận của Nhà nước đối với kết quả cải tạo, chấp hành tốt nội quy, quy chế của phạm nhân và cũng đồng thời là kết quả của quá trình giáo dục, cải tạo phạm nhân của đội ngũ cán bộ, chiến sỹ làm nhiệm vụ quản lý trại giam, cùng với gia đình phạm nhân và xã hội.

Ngay sau khi giành chính quyền, ngày 19/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra Sắc lệnh số 33D phóng thích các tội nhân bị kết án trước ngày 19/8/1945; và liên tục trong 60 năm qua, Nhà nước ta đã 2 lần tiến hành đại xá cho người phạm tội và khoảng 35 lần tiến hành đặc xá cho người phạm tội bị kết án. Số người được đặc xá có năm ít, có năm nhiều, nhưng nhìn chung được nhân dân đồng tình ủng hộ, dư luận quốc tế hoan nghênh.

1.1.1.4. Đấu tranh chống các luận điệu xuyên tạc về nhân quyền

Hiện nay, tình hình quốc tế có nhiều diễn biến phức tạp, chiến tranh cục bộ, xung đột sắc tộc, tôn giáo, đấu tranh lật đổ xảy ra ở nhiều nơi. Các thế lực thù địch, phản động trong và ngoài nước luôn tìm mọi cách chống phá cách mạng Việt Nam. Trong điều kiện đó, việc Chủ tịch nước quyết định đặc xá tha tù cho những người đã có hành vi vi phạm PLHS Việt Nam, bị kết án phạt tù (không phân biệt quốc tịch, tôn giáo, tín ngưỡng, dân tộc...) miễn là có đủ những điều kiện, tiêu chuẩn theo quyết định đặc xá đã góp phần đấu tranh chống lại những luận điệu xuyên tạc, vu khống của các thế lực thù địch, phản động "núp bóng" nhân quyền, tự do tôn giáo và tín ngưỡng để âm mưu gây rối, làm suy yếu và lật đổ chính quyền cách mạng và nền dân chủ nhân dân.

1.1.1.5. Giúp thu hồi tài sản của Nhà nước và nhân dân

Trong những năm qua, thực hiện đường lối đổi mới, mở cửa, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bên cạnh những mặt tích cực thì những mặt trái của nền kinh tế thị trường đã dẫn đến xu thế tội phạm kinh tế và các tội phạm có liên quan đến tài sản ngày càng gia tăng. Bằng quy định khuyến khích phạm nhân tự giác CHHP bổ sung là hình phạt tiền, nộp án phí dân sự, nộp tiền truy thu hoặc bồi thường dân sự trong xét đặc xá tha tù đã giúp thu lại cho Nhà nước và nhân dân hàng trăm tỷ đồng. Chỉ tính riêng đợt đặc xá ngày 2/9/2004 và 2 đợt đặc xá đầu năm 2005, tổng số tiền các phạm

nhân được đặc xá đã nộp để khắc phục hậu quả trách nhiệm dân sự là gần 400 tỷ đồng [24].

1.1.2. Khái niệm, các đặc điểm cơ bản và bản chất pháp lý của chế định đặc xá

1.1.2.1. Khái niệm

Từ trước đến nay, khi nghiên cứu về chế định đặc xá, giữa các nhà nghiên cứu, những người thực thi pháp luật trong và ngoài nước vẫn còn nhiều quan điểm khác nhau:

- Trong khoa học hình sự của Liên Xô trước đây và Liên bang Nga ngày nay, liên quan đến chế định đặc xá có các quan điểm khác nhau sau đây [8, Tr. 11]:

1) Nhà hình sự Nga nổi tiếng trước cách mạng, giáo sư Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Maxcova *Taganxev N.G.* đã phân chia 3 dạng đặc xá là: a) *Induglencia* hoặc là *aggratiatio* (tiếng Latinh có nghĩa là tha bổng hoặc ân xá) - không áp dụng hình phạt tiếp theo do luật định đối với người mà lỗi đã được xác định theo trình tự của pháp luật. b) *Restitutio* hoặc là *rehabilitatio* (tiếng Latinh có nghĩa là phục hồi các quyền trước đây hoặc minh oan) - chấm dứt hình phạt đang chấp hành, đặc biệt là loại trừ những sự hạn chế các quyền nhằm khẳng định các nguyên tắc công bằng và có ích mà các nguyên tắc đó đòi hỏi sự tương quan của mức hình phạt với tính chất tội lỗi thực tế của người bị kết án. c) *Abolitio* (tiếng Latinh có nghĩa là sự huỷ bỏ) - loại trừ sự truy tố về hình sự hoặc đình chỉ sự truy tố đó đã được bắt đầu.

2) Các văn bản đặc xá chỉ là các văn bản pháp luật nhà nước mà không có liên quan gì đến luật hình sự.

3) Đặc xá là một dạng miễn TNHS và hình phạt mang tính chất hỗn hợp.

4) Đặc xá là văn bản của người có chức vụ cao nhất của Nhà nước mà theo đó người bị kết án được miễn hoàn toàn hoặc một phần hình phạt đã

được quyết định hoặc giảm thời hạn của hình phạt ấy hay thay thế nó bằng loại hình phạt khác nhẹ hơn hoặc được xoá án tích.

5) Đặc xá là việc thể hiện sự nhân đạo theo trình tự ngoài Toà án đối với những người bị kết án và nhằm huỷ bỏ một phần hoặc hoàn toàn các hậu quả pháp lý của việc thực hiện tội phạm.

6) Văn bản đặc xá không mang tính chất quy phạm mà mang tính chất cá biệt, là văn bản áp dụng pháp luật đối với một người hoặc những người cụ thể và là căn cứ pháp lý để miễn TNHS, miễn hình phạt.

- Trong khoa học luật hình sự Việt Nam, giữa các nhà nghiên cứu, những người thực thi pháp luật cũng còn nhiều quan điểm khác nhau về chế định đặc xá và chế định đại xá như sau:

1) Theo luật gia Nguyễn Mạnh Hùng thì "Đặc xá là miễn tội, giảm hình phạt, miễn hình phạt hoặc xoá án tích đối với một người hoặc một số người nhất định theo đơn xin của đương sự, của gia đình họ, của cơ quan, tổ chức hữu quan hoặc căn cứ vào đường lối đối nội, đối ngoại của Nhà nước" [35, Tr. 122].

2) Theo ThS Đinh Văn Quế, "đặc xá là miễn toàn bộ hay một phần hình phạt đối với một hoặc một số người bị kết án" [43, Tr. 160].

3) Theo TS Giang Sơn thì "Đặc xá là miễn toàn bộ hay một phần hình phạt hoặc giảm nhẹ hình phạt, kể cả miễn TNHS hoặc xoá án đối với một hay một số người phạm tội nhất định (cũng có trường hợp đặc xá với một số đồng người)" [68, Tr. 503]. Việc xét đặc xá không bị ràng buộc bởi tính chất nghiêm trọng của tội phạm và luôn luôn xuất phát từ lý do nhân đạo, coi bản án, quyết định của Toà án đã tuyên là đúng pháp luật, đúng người, đúng tội.

4) Theo TSKH. PGS Lê Cẩm thì:

Về nội dung, "Đặc xá là sự khoan hồng mang tính chất tổng hợp về mặt pháp lý hình sự được thực hiện theo trình tự ngoài Toà án bằng việc áp dụng

đối với riêng một (những) người bị kết án cụ thể nhất định một trong các biện pháp tha miễn của PLHS nếu người đó đáp ứng đầy đủ những điều kiện mà văn bản đặc xá quy định".

Về hình thức, "Văn bản đặc xá là văn bản quy phạm pháp luật do nguyên thủ quốc gia (Chủ tịch nước) ban hành dưới dạng quyết định nhân dịp những ngày Quốc khánh hoặc những ngày lễ lớn (như Tết dương lịch hay Tết nguyên đán) hàng năm của dân tộc hay có sự kiện đặc biệt khác hoặc theo đơn xin ân giảm của người bị kết án, của thân nhân hay của người đại diện cho người đó".

Bản chất pháp lý, "Đặc xá là một chế định nhân đạo của Luật hình sự Việt Nam và được thể hiện bằng việc áp dụng đối với người bị kết án một trong bốn biện pháp tha miễn do PLHS nước ta quy định - giảm nhẹ hình phạt (1), miễn CHHP (2), giảm thời hạn CHHP (3), hoặc xoá án tích (4) - khi có quyết định do Chủ tịch nước tuyên bố nhân dịp những ngày Quốc khánh hoặc những ngày lễ lớn (như Tết dương lịch hay Tết nguyên đán) hàng năm của dân tộc hay có sự kiện đặc biệt khác hoặc theo đơn xin ân giảm của người bị kết án, của thân nhân hay của người đại diện cho người đó" [14, Tr.845].

5) Theo một số người thực thi pháp luật có liên quan đến công tác đặc xá thì: đặc xá là chế định thuộc luật hiến pháp và là quyền hiến định của nguyên thủ quốc gia (Chủ tịch nước); đặc xá được tiến hành theo trình tự, thủ tục đặc biệt ngoài Toà án với sự tham gia của nhiều cơ quan có liên quan (HĐTVĐX Trung ương, các HĐTVĐX địa phương, các trại giam, trại tạm giam của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, các Bộ, ngành có liên quan và chính quyền địa phương các cấp...). Trường hợp xét đơn ân giảm án tử hình không có các quy định ràng buộc cụ thể và hoàn toàn do Chủ tịch nước quyết định.

6) "Đặc xá là biện pháp khoan hồng của Nhà nước có nội dung là miễn chấp hành toàn bộ hoặc phần còn lại của hình phạt tù cho đích danh một phạm

nhân nào đó hoặc cho những phạm nhân đã thoả mãn những điều kiện nhất định nào đó... Tuy ở giai đoạn nào của quá trình thi hành án mà người bị kết án được đặc xá hoặc đại xá được miễn chấp hành toàn bộ hay phần hình phạt còn lại" [32, Tr.226].

7) Tìm hiểu thực tiễn công tác đặc xá trong 60 năm qua ở Việt Nam cho thấy, đặc xá được thể hiện qua hai trường hợp (dạng) sau đây: 1) Xét đặc xá tha tù hoặc giảm hạn tù nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn hoặc có sự kiện quan trọng khác của đất nước. Tùy từng giai đoạn cụ thể mà việc xét đặc xá trong trường hợp này được thực hiện theo cách thức khác nhau. Giai đoạn từ năm 1945 đến trước năm 1990 (quyền hiến định về đặc xá không được thực hiện "trọn vẹn"), cơ quan có thẩm quyền quyết định đặc xá (Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Hội đồng Nhà nước tùy theo quy định của hiến pháp trong từng giai đoạn) chỉ ban hành văn bản đặc xá trong đó quy định đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn và thời gian tiến hành đặc xá. Việc xét duyệt và quyết định đặc xá cho những người phạm tội bị kết án cụ thể (kể cả việc ban hành quyết định tha hoặc giảm hạn tù cho họ) hoàn toàn do Hội đồng đặc xá các cấp (cấp tỉnh, thành phố và cấp Trung ương) thực hiện, Tòa án thay mặt Hội đồng đặc xá ra quyết định đặc xá tha hoặc giảm hạn tù cho phạm nhân. Giai đoạn từ năm 1990 đến nay (quyền hiến định về đặc xá được thực hiện "trọn vẹn"), cơ quan có thẩm quyền quyết định đặc xá (Hội đồng Nhà nước và Chủ tịch nước tùy theo quy định của hiến pháp trong từng giai đoạn) ban hành văn bản đặc xá trong đó quy định đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn và thời gian tiến hành đặc xá; đồng thời thành lập HĐTVĐX Trung ương để triển khai quyết định về đặc xá, xét duyệt danh sách người đủ điều kiện, tiêu chuẩn đặc xá trình lên cơ quan có thẩm quyền quyết định. Cơ quan có thẩm quyền đặc xá trực tiếp xét duyệt và ra quyết định đặc xá tha tù cho những người phạm tội bị kết án cụ thể. 2) Xét đơn xin ân giảm án tử hình của

người bị kết án tử hình, của thân nhân hay người đại diện cho người đó - do Chủ tịch nước quyết định trên cơ sở xem xét tổng hợp nhiều yếu tố khác nhau.

Từ những quan điểm trên và qua nghiên cứu thực tiễn công tác đặc xá ở nước ta từ sau Cách mạng tháng 8/1945, cho phép khẳng định đặc xá là chế định pháp lý hình sự, vì những lý do sau đây:

Thứ nhất, về mặt lập pháp: ngay sau khi Cách mạng tháng 8/1945 thành công cho đến trước khi Hiến pháp nước Việt Nam dân chủ cộng hoà năm 1946 được Quốc hội thông qua ngày 9/11/1946, trong đó quy định Chủ tịch nước có quyền đặc xá (Điều 49, Điểm g), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 33C lần đầu tiên chính thức quy định quyền xét đơn xin ân giảm án tử hình của nguyên thủ quốc gia (lúc bấy giờ là Chủ tịch Chính phủ). Điều III Sắc lệnh quy định "Nếu bản án tuyên xử tử, thì tội nhân có quyền đệ đơn lên Chủ tịch Chính phủ xin ân giảm. Bản án sẽ hoãn thi hành chờ quyết nghị của ông Chủ tịch Chính phủ. Mỗi khi Toà án Quân sự kết án xử tử, ông Chánh án bắt buộc phải báo cho tội nhân biết rằng có quyền xin Chủ tịch Chính phủ ân giảm và hỏi hẳn có muốn đệ đơn xin không. Câu trả lời của phạm nhân phải ghi vào bản án; nếu không, bản án thành vô giá trị". Như vậy, chế định đặc xá (trường hợp xét đơn xin ân giảm án tử hình) đã được quy định chính thức trong PLHS trước khi có hiến pháp.

Mặt khác trong lần pháp điển hoá luật hình sự năm 1999, các nhà làm luật lần đầu tiên quy định đặc xá là một trường hợp của miễn CHHP - Điều 57, Khoản 2 quy định "Người bị kết án được miễn CHHP khi được đặc xá hoặc đại xá". Như vậy, với quy định này, nhà làm luật đã chính thức thừa nhận đặc xá là một chế định của luật hình sự, thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước ta đối với tội phạm trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp

quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đồng thời phản ánh thực tế công tác đặc xá ở nước ta trong những năm qua, góp phần hoàn thiện luật hình sự.

Thứ hai, về mặt lý luận: đặc xá là quyền hiến định của nguyên thủ quốc gia (Chủ tịch nước) và được tiến hành theo một trình tự, thủ tục đặc biệt ngoài Toà án. Về hình thức, văn bản đặc xá là văn bản quy phạm pháp luật do nguyên thủ quốc gia (Chủ tịch nước) ban hành nhân dịp kỷ niệm những ngày lễ lớn hàng năm hay có sự kiện đặc biệt khác của đất nước hoặc theo đơn xin ân giảm của người bị kết án, của thân nhân hay của người đại diện cho người đó. Tuy nhiên, về nội dung, bản chất của việc áp dụng chế định đặc xá là do có sự việc phạm tội; đối tượng được hưởng đặc xá là người phạm tội bị kết án. Như vậy, chế định đặc xá bắt nguồn và gắn liền tội phạm và người phạm tội bị kết án (do luật hình sự điều chỉnh). Vì vậy, cần phải khẳng định về mặt nội dung, đặc xá là chế định pháp lý hình sự và thuộc phạm vi điều chỉnh của luật hình sự.

Thứ ba, về mặt thực tiễn: từ năm 1945 đến nay, Nhà nước đã tiến hành đặc xá khoảng 35 lần cho rất nhiều phạm nhân. Tất cả những lần đặc xá này đều áp dụng đối với người phạm tội bị kết án phạt tù (cũng có giai đoạn đặc xá áp dụng đối với người phạm tội bị kết án khổ sai và người được tập trung cải tạo). Kết quả là người bị kết án có thể được tha tù hoặc giảm hạn tù. Như vậy, thực tiễn công tác đặc xá cho thấy mặc dù mỗi giai đoạn, mỗi lần xét đặc xá được quy định cụ thể khác nhau, nhưng luôn có chung đối tượng là người phạm tội bị kết án.

Tổng hợp những quan điểm về đặc xá đã nêu và căn cứ vào thực tiễn công tác đặc xá ở nước ta trong 60 năm qua, theo quan điểm của chúng tôi có thể đưa ra khái niệm đặc xá như sau:

Đặc xá là sự khoan hồng của Nhà nước mang tính chất tổng hợp về mặt pháp lý hình sự, được thực hiện theo trình tự, thủ tục ngoài Toà án và được

áp dụng đối với riêng một (những) người bị kết án cụ thể một trong các biện pháp tha miễn do PLHS quy định, nếu người đó đáp ứng đầy đủ những điều kiện, tiêu chuẩn được quy định trong văn bản đặc xá của nguyên thủ quốc gia (Chủ tịch nước) được ban hành nhân dịp kỷ niệm những ngày lễ lớn hàng năm hay có sự kiện quan trọng khác của đất nước hoặc do nguyên thủ quốc gia (Chủ tịch nước) quyết định theo đơn xin ân giảm của người bị kết án tử hình, của thân nhân hay của người đại diện cho người đó.

1.1.2.2. Các đặc điểm cơ bản của đặc xá

Từ khái niệm và những phân tích trên, có thể đưa ra những đặc điểm cơ bản của chế định đặc xá như sau:

Thứ nhất, đặc xá là sự khoan hồng (đặc ân) của Nhà nước mang tính chất tổng hợp về mặt pháp lý hình sự, có ý nghĩa chính trị - xã hội - pháp lý đặc biệt, thể hiện nguyên tắc nhân đạo của luật hình sự Việt Nam. Đặc xá được xem xét áp dụng đối với một người phạm tội bị kết án cụ thể (cũng có trường hợp đặc xá với nhiều người) một trong bốn biện pháp tha miễn do PLHS quy định, nếu người đó đáp ứng đầy đủ những điều kiện, tiêu chuẩn được ghi nhận trong văn bản đặc xá (trường hợp đặc xá tha tù) hoặc do Chủ tịch nước quyết định (trường hợp xét đơn xin ân giảm án tử hình).

Thứ hai, đặc xá là quyền hiến định của nguyên thủ quốc gia (Chủ tịch nước), thường được công bố nhân dịp kỷ niệm những ngày lễ lớn hàng năm của đất nước (Tết nguyên đán, Tết dương lịch, ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước 30/4, ngày Quốc khánh 2/9) hay có sự kiện đặc biệt khác hoặc theo đơn xin ân giảm của người bị kết án, của thân nhân hay của người đại diện cho người đó. Văn bản đặc xá là văn bản quy phạm pháp luật được thể hiện dưới dạng quyết định của Chủ tịch nước và có tính chất bắt buộc (thuật ngữ "được miễn") đối với các cơ quan tư pháp hình sự.

Thứ ba, đặc xá được áp dụng vì lý do nhân đạo đối với riêng một người phạm tội bị kết án cụ thể (cũng có trường hợp đặc xá đối với nhiều người) mà không bị ràng buộc bởi loại tội phạm và tính chất nghiêm trọng của tội phạm, cũng như loại hình phạt đã được tuyên.

Thứ tư, đặc xá được thực hiện theo trình tự, thủ tục ngoài Toà án. Văn bản đặc xá không làm thay đổi nội dung và tính chất pháp lý hình sự của các quy phạm PLHS xác định TNHS đối với hành vi phạm tội (không phi tội phạm hoá những hành vi nguy hiểm cho xã hội được coi là tội phạm) và cũng không đặt ra nghi ngờ về tính hợp pháp và có căn cứ của bản án kết tội có hiệu lực pháp luật mà Toà án đã tuyên đối với người phạm tội trong một vụ án hình sự cụ thể.

Thứ năm, hậu quả pháp lý của đặc xá đối với người phạm tội bị kết án (nếu người đó đáp ứng đầy đủ các điều kiện của văn bản đặc xá hoặc do Chủ tịch nước quyết định - đối với trường hợp xét đơn xin ân giảm án tử hình) chính là việc áp dụng một trong bốn biện pháp tha miễn do PLHS quy định - giảm nhẹ hình phạt, miễn CHHP, giảm thời hạn CHHP và xoá án tích (đối với người đã chấp hành xong hình phạt và các quyết định khác của Toà án).

Thứ sáu, thực tiễn công tác đặc xá cho thấy, đối tượng được đặc xá là người bị kết án sau: tù có thời hạn, tù chung thân, tử hình, khổ sai (trong những năm đầu sau Cách mạng tháng 8/1945), cũng có trường hợp đặc xá được áp dụng đối với người được tập trung cải tạo; hậu quả pháp lý của việc áp dụng chế định đặc xá chỉ có ý nghĩa đối với hình phạt chính, người bị kết án được hưởng đặc xá vẫn phải chấp hành các hình phạt bổ sung (nếu có) hoặc có thể bị áp dụng các biện pháp tư pháp được quy định từ Điều 41 đến Điều 43, Bộ luật Hình sự năm 1999.

Thứ bảy, việc áp dụng các biện pháp tha miễn khi có văn bản đặc xá được thực hiện bởi nhiều cơ quan (Chủ tịch nước quyết định theo đề nghị của

HĐTVĐX Trung ương). Còn việc áp dụng các biện pháp tha miễn khi xét xử chỉ được thực hiện bởi Toà án trên cơ sở các quy định của PLHS.

1.1.2.3. Bản chất pháp lý của chế định đặc xá

Từ khái niệm, các đặc điểm cơ bản của chế định đặc xá và thực tiễn công tác đặc xá những năm qua, có thể khẳng định bản chất pháp lý của chế định đặc xá như sau:

Đặc xá là chế định nhân đạo của luật hình sự Việt Nam, được thể hiện bằng việc áp dụng đối với người bị kết án một trong bốn biện pháp tha miễn do PLHS quy định (giảm nhẹ hình phạt, miễn CHHP, giảm thời hạn CHHP hoặc xoá án tích) theo quyết định đặc xá của Chủ tịch nước được ban hành nhân dịp kỷ niệm những ngày lễ lớn hàng năm hay có sự kiện quan trọng khác của đất nước hoặc theo đơn xin ân giảm của người bị kết án tử hình, của thân nhân hay của người đại diện cho người đó.

1.1.3. Khái niệm, các đặc điểm cơ bản và bản chất pháp lý của chế định đại xá

1.1.3.1. Khái niệm

Giống như chế định đặc xá, liên quan đến chế định đại xá từ trước đến nay khoa học luật hình sự trong và ngoài nước vẫn tồn tại nhiều quan điểm khác nhau chưa thống nhất.

- Trong khoa học hình sự của Liên Xô trước đây và Liên bang Nga hiện nay vẫn còn nhiều quan điểm khác nhau sau đây [14, Tr. 845, 846, 847, 848]:

1) Luật gia nổi tiếng người Italia *Beccaria Tr.* có quan điểm chống lại việc ghi nhận chế định đại xá ("tha thứ") trong Bộ luật hình sự vì nó cho mọi người thấy rằng, tội phạm có thể được tha thứ và hình phạt là hậu quả không bắt buộc của tội phạm, tức là làm phát sinh sự ảo tưởng về việc không bị trừng phạt và buộc mọi người tin rằng, nếu như có thể đạt được sự tha thứ, thì

việc đưa vào thi hành bản án đối với người không được tha thứ là hành vi bạo lực của nhà cầm quyền đúng hơn là kết quả của hoạt động tư pháp.

2) Luật gia Liên bang Nga *Xabanhin X.N.* cho rằng: việc ban hành các văn bản đại xá thực tế là dẫn đến sự vi phạm nguyên tắc công bằng vì vậy đại xá không nên tồn tại trong thực tiễn của các cơ quan quyền lực nhà nước tối cao.

3) Một số tác giả khác khi luận chứng cho việc huỷ bỏ chế định đại xá đã coi sự tồn tại của nó trong PLHS sẽ làm yếu đi cuộc đấu tranh chống tình trạng tội phạm, tức là dẫn đến việc gia tăng sự tái phạm trong số những người đã được miễn TNHS hoặc hình phạt do việc ban hành ân bản đại xá.

4) GS. TSKH luật *Karôg A.I.* quan niệm rằng: a) Trong luật hình sự đại xá được hiểu là văn bản của cơ quan quyền lực nhà nước tối cao mà theo đó các loại người hoặc tất cả những người đã phạm những loại tội nhất định được miễn TNHS, miễn chấp hành một phần hoặc hoàn toàn hình phạt hay thay thế hình phạt đã được Toà án quyết định bằng hình phạt khác nhẹ hơn; b) Văn bản về đại xá không thay đổi và không huỷ bỏ đạo luật quy định TNHS đối với việc thực hiện những hành vi nguy hiểm cho xã hội nào, không đặt ra nghi ngờ đối với bản án của Toà án đã được tuyên đối với vụ án cụ thể.

5) Theo GS. TSKH luật *Haumôv A.V.* thì văn bản đại xá không đưa những thay đổi vào đạo luật hình sự, tức là không phi tội phạm hoá các hành vi tương ứng mà những người được đại xá đã thực hiện, không đặt ra sự nghi ngờ đối với tính hợp pháp và có căn cứ của bản án kết tội mà Toà án đã tuyên.

6) Theo nữ GS. TSKH luật *Heznamôva Z.A.* thì đại xá là một dạng tha miễn có tính chất hỗn hợp vì bằng văn bản đại xá với tư cách là văn bản ngoài Toà án có thể áp dụng bất kỳ việc miễn TNHS hoặc hình phạt và thực tế là trong bất kỳ giai đoạn TTNS nào; đại xá được áp dụng chỉ đối với những tội phạm đã hoàn thành trước thời điểm văn bản đại xá có hiệu lực pháp luật;

miễn hình phạt do có văn bản đại xá có thể được thực hiện trong thời điểm tuyên bản án kết tội hoặc trong quá trình CHHP; miễn việc tiếp tục CHHP do có văn bản đại xá bao gồm - miễn CHHP trước thời hạn, giảm thời hạn CHHP, thay đổi hình phạt đã quyết định bằng hình phạt khác nhẹ hơn hoặc xoá án tích.

7) GS. TSKH luật *Tkatrevsky Iu.M.* phân chia các văn bản đại xá thành hai loại - các văn bản áp dụng rộng rãi đối với số lượng lớn những người có liên quan và, các văn bản áp dụng hạn chế đối với phạm vi hẹp những người có liên quan; theo pháp luật TTHS việc miễn TNHS trên cơ sở văn bản đại xá có thể được thực hiện: a) trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự - bằng quyết định từ chối việc khởi tố vụ án hình sự, b) trong giai đoạn điều tra hoặc đối với những vụ án mà việc điều tra kết thúc nhưng chưa tuyên án - bằng quyết định đình chỉ vụ án hình sự, c) trong giai đoạn xét xử của Tòa án - bằng quyết định của Tòa án về đình chỉ vụ án hình sự; mặc dù bản án kết tội của Tòa án đã được tuyên nhưng đại xá vẫn có thể được thực hiện bằng việc miễn hình phạt hoặc xoá án tích.

8) Nữ GS. TSKH luật *Kelina X.G.* viết: Theo nội dung của nó, văn bản đại xá quy định việc miễn TNHS, miễn hình phạt, và đôi khi cả việc xoá án tích nữa.

9) Tuy nhiên, Khái niệm đại xá của nữ luật gia Nga *Morôgulova I.L.* là có căn cứ và phù hợp với pháp luật hơn cả khi định nghĩa rằng: đại xá là một biện pháp đặc biệt của Nhà nước nhằm thực hiện chính sách hình sự trên cơ sở của pháp luật.

- Trong khoa học luật hình sự Việt Nam, liên quan đến chế định đại xá giữa các nhà nghiên cứu, những người thực thi pháp luật cũng có nhiều quan điểm khác nhau sau đây:

1) Theo luật gia Nguyễn Mạnh Hùng thì "Đại xá là tha tội cho những người phạm tội theo từng loại tội phạm, không phải xem xét từng trường hợp cụ thể. Việc tha tội theo văn bản đại xá bao gồm việc miễn truy cứu TNHS đối với người phạm tội, tha cho người phạm tội đã bị kết án và đang CHHP, xoá án tích cho những người đã chấp hành xong hình phạt về những tội được đại xá xảy ra trước ngày ban hành văn bản đại xá. Những người được đại xá về tội gì được coi là không có án tích về tội đó" [35, Tr. 119, 120].

2) Theo ThS Đinh Văn Quế thì "đại xá là việc miễn TNHS đối với một loại tội phạm hoặc một loại người phạm tội nhất định. Văn bản đại xá có hiệu lực đối với những hành vi phạm tội được nêu trong văn bản đó xảy ra trước khi ban hành văn bản đại xá thì được miễn truy cứu TNHS ; nếu đã khởi tố, truy tố hoặc xét xử thì phải đình chỉ, nếu đã chấp hành xong hình phạt thì được coi là không có án tích" [43, Tr. 159].

3) Theo TS Giang Sơn, "Đại xá là việc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo luật định quyết định miễn TNHS hoặc hình phạt, hoặc thay đổi hình phạt đã tuyên bằng hình phạt nhẹ hơn đối với một loại người phạm tội nhất định" [68, Tr. 502]

4) Theo TSKH. PGS Lê Cẩm thì:

Về nội dung, "đại xá là sự khoan hồng mang tính chất tổng hợp về mặt pháp lý hình sự và TTNS được thực hiện theo trình tự ngoài Toà án bằng việc áp dụng đối với người phạm tội (bị kết án) không nhất định một trong các biện pháp tha miễn của PLNS nếu người đó đáp ứng đầy đủ những điều kiện mà văn bản đại xá quy định".

Về hình thức, "văn bản đại xá là văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan lập pháp tối cao (Quốc hội) ban hành dưới dạng quyết định nhân dịp có sự kiện lịch sử đặc biệt quan trọng của đất nước, có hiệu lực pháp luật bắt buộc

đối với tất cả các cơ quan bảo vệ pháp luật và Toà án căn cứ vào giai đoạn TTHS cụ thể tương ứng".

Bản chất pháp lý, "Đại xá là một chế định nhân đạo của luật hình sự và TTHS Việt Nam, được thể hiện bằng việc áp dụng đối với người phạm tội (bị kết án) một trong sáu biện pháp tha miễn do PLHS nước ta quy định tùy thuộc vào giai đoạn TTHS cụ thể tương ứng - miễn TNHS (1), miễn hình phạt (2), giảm nhẹ hình phạt (3), miễn CHHP (4), giảm thời hạn CHHP (5) hoặc xóa án tích (6) - khi có quyết định do Quốc hội tuyên bố nhân dịp có sự kiện lịch sử đặc biệt quan trọng của đất nước" [14, Tr. 852].

5) Theo một số người thực thi pháp luật có liên quan đến công tác đặc xá thì: đại xá là chế định thuộc luật hiến pháp và là quyền hiến định của Quốc hội; đại xá được tiến hành theo trình tự, thủ tục đặc biệt ngoài Toà án. Đối tượng và thời điểm đại xá hoàn toàn do Quốc hội thảo luận và quyết định căn cứ vào thực tiễn chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại... của đất nước, nhân dịp có sự kiện lịch sử đặc biệt quan trọng của đất nước mà không bị ràng buộc bởi bất kỳ quy định nào.

6) "Đại xá là biện pháp khoan hồng của Nhà nước có nội dung tha tội, thường là hoàn toàn và triệt để cho hàng loạt những người phạm những tội nhất định nào đó... Tùy ở giai đoạn nào của quá trình thi hành án mà người bị kết án được đặc xá hoặc đại xá được miễn chấp hành toàn bộ hay phần hình phạt còn lại" [32, Tr. 226].

7) Theo Th.S Trịnh Tiến Việt thì "đại xá được hiểu là văn bản (quyết định) của Quốc hội miễn TNHS hoặc miễn hình phạt hoặc thay đổi hình phạt đã tuyên bằng một hình phạt nhẹ hơn đối với một loại người phạm tội nhất định" [66, Tr. 83].

Từ những quan điểm trên và qua nghiên cứu thực tiễn 2 lần xét đại xá ở nước ta cho phép khẳng định đại xá là chế định pháp lý hình sự và TTHS vì những lý do sau đây:

Thứ nhất, về mặt lập pháp: ngay sau khi Cách mạng tháng 8/1945 thành công cho đến trước khi Hiến pháp nước Việt Nam dân chủ cộng hoà năm 1959 được Quốc hội thông qua ngày 31/12/1959, trong đó quy định Quốc hội có quyền đại xá (Điều 50, Khoản 15), thì ngày 20/10/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 52 - SL đại xá cho những người bị kết án trước ngày 19/8/1945, với một số nội dung cơ bản sau: "Những người vì chiến đấu cho nền độc lập của nước Việt Nam mà đã bị kết án trước ngày 19 tháng 8 dương lịch năm 1945 như là chính trị phạm hay thường phạm đều được xá tội... Những khinh tội phạm trước ngày 19 tháng 8 năm 1945 mà Toà án đã xử phạt tiền hoặc tù án treo, hoặc cả hai thứ hình phạt đó, đều được miễn xá... Những tội được miễn xá đều coi như không phạm bao giờ; quyền công tố sẽ tiêu hủy, những chính hình và phụ hình mà Toà án đã tuyên đều bỏ hết".

Mặt khác, trong lần pháp điển hoá luật hình sự năm 1999, đại xá lần đầu tiên được các nhà làm luật quy định là một trường hợp của miễn TNHS (Điều 25) và một trường hợp của miễn CHHP (Điều 57) - Điều 25, Khoản 3 quy định "Người phạm tội được miễn TNHS khi có quyết định đại xá"; Điều 57, Khoản 2 quy định "Người bị kết án được miễn CHHP khi được đặc xá hoặc đại xá". Như vậy, bằng những quy định này, nhà làm luật đã chính thức thừa nhận đại xá là một chế định của PLHS, thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước ta đối với tội phạm trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, về mặt lý luận: đại xá là quyền hiến định của Quốc hội và được tiến hành theo trình tự, thủ tục ngoài Toà án. Về hình thức, văn bản đại xá là văn bản quy phạm pháp luật do Quốc hội ban hành dưới dạng nghị quyết

(quyết định) có tính chất bắt buộc (thuật ngữ "được miễn") đối với các cơ quan tư pháp hình sự nhân dịp có sự kiện lịch sử đặc biệt quan trọng của đất nước. Tuy nhiên, về nội dung, bản chất pháp lý của việc áp dụng chế định đại xá là do có sự việc phạm tội và căn cứ vào các giai đoạn TTHS mà người phạm tội không nhất định có thể được áp dụng một trong các biện pháp tha miễn được PLHS quy định nếu người đó đáp ứng đầy đủ những điều kiện mà văn bản đại xá quy định. Vì vậy, cần phải khẳng định về mặt nội dung, đại xá là chế định pháp lý hình sự và TTHS, thuộc phạm vi điều chỉnh của PLHS.

Thứ ba, về mặt thực tiễn: từ năm 1945 đến nay, Nhà nước đã 2 lần tiến hành đại xá bằng Sắc lệnh số 52 - SL, ngày 20/10/1945 của Chủ tịch Chính phủ lâm thời đại xá cho những người vì chiến đấu cho nền độc lập của nước Việt Nam đã bị kết án trước ngày 19/8/1945 (kể các chính trị phạm hay thường phạm); và Thông tư số 413-TTg, ngày 9/11/1954 của Thủ tướng Chính phủ đại xá cho các tội phạm bị toà án truy tố và xét xử từ Cách mạng tháng 8 đến ngày 9/10/1954 (trừ ra bọn có nợ máu nhiều đối với nhân dân, đã tra tấn, giết người một cách dã man, nhân dân rất oán ghét; còn đồ chưa chịu cải tạo, hiện chưa học được nghề gì để sinh sống lương thiện; địa chủ, cường hào, gian ác bị dân xử phạt trong các đợt phát động quần chúng giảm tô và cải cách ruộng đất).

Như vậy, tổng hợp những quan điểm về đại xá đã nêu và căn cứ vào thực tiễn 2 lần đại xá ở nước ta, theo quan điểm của chúng tôi có thể đưa ra khái niệm đại xá như sau:

Đại xá là sự khoan hồng của Nhà nước mang tính chất tổng hợp về mặt pháp lý hình sự và TTHS, được thực hiện theo trình tự, thủ tục ngoài Toà án và được áp dụng đối với hàng loạt người phạm tội nhất định nào đó một trong các biện pháp tha miễn do PLHS quy định, nếu những người đó thuộc đối tượng đại xá được quy định trong văn bản đại xá do cơ quan lập pháp tối

cao (Quốc hội) ban hành nhân sự kiện lịch sử đặc biệt quan trọng của đất nước.

1.1.3.2. Các đặc điểm cơ bản của đại xá

Từ khái niệm và những phân tích trên, có thể đưa ra những đặc điểm cơ bản của chế định đại xá như sau:

Thứ nhất, đại xá là sự khoan hồng (đặc ân) của Nhà nước mang tính chất tổng hợp về mặt pháp lý hình sự và TTHS, có ý nghĩa chính trị - xã hội - pháp lý hết sức đặc biệt, thể hiện nguyên tắc nhân đạo của PLHS Việt Nam. Đại xá được áp dụng đối với một loạt người phạm tội nhất định nào đó một trong sáu biện pháp tha miễn do PLHS quy định (căn cứ vào giai đoạn TTHS) nếu người phạm tội thuộc đối tượng đại xá được ghi trong văn bản đại xá.

Thứ hai, đại xá là quyền hiến định của Quốc hội (Điều 84, Khoản 10, Hiến pháp năm 1992) và được công bố nhân sự kiện lịch sử đặc biệt quan trọng của đất nước (trong 2 lần đại xá thì lần thứ nhất được công bố sau khi Cách mạng tháng 8/1945 thành công; lần thứ hai được công bố sau ngày giải phóng Thủ đô 10/10/1954). Văn bản đại xá là văn bản quy phạm pháp luật được thể hiện dưới dạng nghị quyết (quyết định) của Quốc hội và có tính chất bắt buộc đối với các cơ quan tư pháp hình sự tùy thuộc vào các giai đoạn TTHS cụ thể tương ứng.

Thứ ba, đại xá được áp dụng vì lý do nhân đạo đối với riêng phạm vi không nhất định những người phạm tội (đã bị kết án hoặc chưa bị kết án). Đại xá không xem xét từng trường hợp cụ thể và cũng không đặt ra các tiêu chí cụ thể về thời hạn đã CHHP, kết quả giáo dục, đạo đức của người phạm tội... mà chỉ quy định: những hành vi phạm tội đã xảy ra trong thời gian nhất định được đại xá.

Thứ tư, đại xá được thực hiện theo trình tự, thủ tục ngoài Toà án. Văn bản đại xá không làm thay đổi nội dung và tính chất pháp lý hình sự của các

quy phạm PLHS xác định TNHS đối với hành vi phạm tội (không phi tội phạm hoá những hành vi nguy hiểm cho xã hội được coi là tội phạm). Văn bản đại xá chỉ có hiệu lực đối với những hành vi phạm tội được nêu trong văn bản và xảy ra trước khi văn bản đại xá được ban hành (có hiệu lực).

Thứ năm, hậu quả pháp lý của đại xá đối với người phạm tội (thuộc đối tượng được hưởng đại xá) chính là việc áp dụng một trong sáu biện pháp tha miễn do PLHS quy định căn cứ vào giai đoạn TTHS cụ thể tương ứng: miễn TNHS (áp dụng trong các giai đoạn TTHS trước khi Toà án tuyên bản án kết tội có hiệu lực pháp luật); 5 biện pháp tha miễn còn lại (áp dụng sau khi Toà án tuyên bản án kết tội có hiệu lực pháp luật) bao gồm: miễn hình phạt; giảm nhẹ hình phạt; miễn CHHP; giảm thời hạn CHHP; xoá án tích (đối với người đã chấp hành xong hình phạt và các quyết định khác của Toà án).

Thứ sáu, nghiên cứu 2 lần đại xá cho thấy, người phạm tội được đại xá sẽ được xá tội hoàn toàn và được coi như không phạm tội bao giờ, những hình phạt chính và hình phạt bổ sung đều không phải thực hiện. Tuy nhiên, những biện pháp tư pháp đã áp dụng rồi thì không thay đổi lại.

1.1.3.3. Bản chất pháp lý của chế định đại xá

Từ khái niệm, các đặc điểm cơ bản của chế định đại xá và thực tiễn 2 lần đại xá ở nước ta, có thể khẳng định bản chất pháp lý của chế định đặc xá như sau:

Đại xá là chế định nhân đạo của luật hình sự và TTHS Việt Nam, được thể hiện bằng việc áp dụng đối với hàng loạt người phạm tội một trong sáu biện pháp tha miễn do PLHS quy định (miễn TNHS, miễn hình phạt, giảm nhẹ hình phạt, miễn CHHP, giảm thời hạn CHHP hoặc xoá án tích) theo quyết định đại xá của Quốc hội được ban hành nhân sự kiện lịch sử đặc biệt quan trọng của đất nước.

1.1.4. Phân biệt chế định đặc xá với chế định đại xá

Qua phân tích khái niệm, các đặc điểm cơ bản và bản chất pháp lý của chế định đặc xá và chế định đại xá, có thể nhận thấy sự giống nhau và khác nhau của hai chế định này được thể hiện qua một số điểm chủ yếu sau đây:

1.1.4.1. Những điểm giống nhau

Thứ nhất, đặc xá và đại xá đều là sự khoan hồng của Nhà nước mang tính chất tổng hợp, có ý nghĩa chính trị - xã hội - pháp lý đặc biệt và được thực hiện theo trình tự, thủ tục ngoài Toà án (trình tự này thường được quy định cụ thể trong văn bản đặc xá, đại xá).

Thứ hai, văn bản đặc xá (quyết định) của Chủ tịch nước và văn bản đại xá (nghị quyết hoặc quyết định) của Quốc hội đều là văn bản quy phạm pháp luật do các chủ thể tương ứng với hai nhánh quyền lực nhà nước ban hành (nguyên thủ quốc gia và cơ quan lập pháp tối cao) và có tính chất bắt buộc (thuật ngữ "được miễn") đối với các cơ quan tư pháp hình sự.

Thứ ba, chế định đặc xá và chế định đại xá đều bao gồm các biện pháp tha miễn cụ thể được PLHS quy định và được áp dụng đối với người phạm tội bị kết án thoả mãn đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn của văn bản đặc xá hoặc người phạm tội thuộc đối tượng được hưởng đại xá quy định trong văn bản đại xá. Việc áp dụng hai chế định này luôn luôn xuất phát từ mục đích nhân đạo và đều mang lại hậu quả pháp lý có lợi cho đối tượng được hưởng.

Thứ tư, việc ban hành văn bản đặc xá và văn bản đại xá không làm thay đổi và không huỷ bỏ đạo luật hình sự quy định TNHS đối với việc thực hiện tội phạm, không phi tội phạm hoá các hành vi tương ứng mà những người được đặc xá hoặc đại xá đã thực hiện; không đặt ra nghi ngờ về tính hợp pháp và có căn cứ của bản án kết tội có hiệu lực pháp luật mà Toà án đã tuyên đối với người phạm tội trong một vụ án hình sự cụ thể.

Thứ năm, chế định đặc xá và chế định đại xá đều góp phần khẳng định nguyên tắc nhân đạo của chính sách hình sự trong giai đoạn xây dựng nhà

nước pháp quyền, đẩy mạnh cải cách tư pháp, đồng thời thể hiện bản chất ưu việt, tinh thần nhân đạo, bao dung của Nhà nước ta đối với những người có quá khứ lầm lỗi, cho họ một đặc ân để làm lại cuộc đời, tuân thủ pháp luật và sống có ích cho bản thân, gia đình và xã hội.

1.1.4.2. Những điểm khác nhau

Qua nghiên cứu về lý luận và thực tiễn công tác đặc xá, đại xá, sau khi tham khảo quan điểm của TSKH. PGS Lê Cẩm, chúng tôi xin đưa ra một số điểm khác biệt giữa đặc xá và đại xá như sau:

Tiêu chí	Chế định đặc xá	Chế định đại xá
Hình thức	Văn bản đặc xá là quyết định của Chủ tịch nước ban hành nhân dịp kỷ niệm những ngày lễ lớn hàng năm hay có sự kiện quan trọng khác của đất nước hoặc theo đơn xin ân giảm của người bị kết án tử hình, của thân nhân hay của người đại diện cho người đó.	Văn bản đại xá là nghị quyết (quyết định) của Quốc hội ban hành nhân sự kiện lịch sử đặc biệt quan trọng của đất nước.
Nội dung	Là sự khoan hồng mang tính chất tổng hợp về mặt pháp lý hình sự	Là sự khoan hồng mang tính chất tổng hợp về mặt pháp lý hình sự và TTHS.
Thẩm quyền	Nguyên thủ quốc gia (Chủ tịch nước).	Cơ quan lập pháp tối cao (Quốc hội).
Bản chất pháp lý	Là một chế định nhân đạo của Luật hình sự Việt Nam.	Là một chế định nhân đạo của cả Luật hình sự và Luật TTHS Việt Nam.
Phạm vi các biện pháp tha miễn cụ thể được áp dụng	Bốn biện pháp tha miễn do PLHS quy định - giảm nhẹ hình phạt, miễn CHHP, giảm thời hạn CHHP và xoá án tích.	Sáu biện pháp tha miễn do PLHS quy định - miễn TNHS, miễn hình phạt, giảm nhẹ hình phạt, miễn CHHP, giảm thời hạn CHHP và xoá án tích.

Đối tượng áp dụng	Được áp dụng đối với riêng một người bị kết án cụ thể (cũng có trường hợp đặc xá với nhiều người) đáp ứng đầy đủ những điều kiện, tiêu chuẩn (về thời gian đã CHHP, kết quả CHHP...) theo quy định của văn bản đặc xá.	Được áp dụng đối với hàng loạt người phạm tội nhất định nào đó (đã bị kết án hoặc chưa bị kết án) thuộc đối tượng được hưởng đại xá theo quy định của văn bản đại xá.
Hậu quả pháp lý đối với hình phạt đã tuyên	Đặc xá thường chỉ được xem xét với các hình phạt chính là: tù có thời hạn, tù chung thân và tử hình. Người phạm tội bị kết án được đặc xá vẫn phải thực hiện các hình phạt bổ sung.	Đại xá thường được xem xét với cả hình phạt chính và hình phạt bổ sung. Người phạm tội được đặc xá có thể không phải CHHP bổ sung.
Tính phổ biến	Xét đơn ân giảm án tử hình (tiên hành thường xuyên); đặc xá tha tù hoặc giảm hạn tù thường là một hoặc một vài năm tiến hành 1 lần.	Không thường xuyên, liên tục, thường rất lâu mới tiến hành một lần (ở nước ta từ năm 1945 đến nay mới có 2 lần đại xá).

1.2. ĐẶC XÁ, ĐẠI XÁ THEO QUY ĐỊNH CỦA PLHS MỘT SỐ NƯỚC

1.2.1. Đặc xá, đại xá theo quy định của PLHS Liên bang Nga

Theo PLHS Liên bang Nga, thì đặc xá, đại xá được coi là hai chế định pháp lý độc lập. Bộ luật Hình sự của Liên bang Nga có hiệu lực từ ngày 1/3/1996 đã giành hẳn Chương 13 quy định về "Đại xá, đặc xá, án tích", theo đó chế định đại xá và chế định đặc xá được quy định cụ thể như sau:

"Điều 85. Đại xá: 1- Đại xá do Duma quốc gia Liên bang Nga tuyên bố đối với riêng một số người không xác định. 2- Bằng văn bản đại xá, những người phạm tội có thể được miễn TNHS. Những người bị kết án có thể được miễn hình phạt hoặc hình phạt đối với họ có thể được rút ngắn hoặc được thay đổi bằng hình phạt nhẹ hơn, hoặc những người này có thể được miễn hình phạt bổ sung. Những người đã chấp hành xong hình phạt mà được đại xá thì có thể được xoá án tích.

Điều 86. Đặc xá: 1- Đặc xá do Tổng thống Liên bang Nga quyết định đối với riêng một người cụ thể. 2- Bằng văn bản đặc xá, người bị kết án có thể

không phải tiếp tục CHHP, hình phạt đối với họ có thể được rút ngắn hoặc được thay bằng hình phạt hình phạt nhẹ hơn. Người đã chấp hành xong hình phạt mà được đặc xá thì có thể được xoá án tích" [58, Tr. 73].

Như vậy, theo PLHS Liên bang Nga thì :

- Đại xá do Duma quốc gia Liên bang Nga (Quốc hội) tuyên bố đối với riêng một số người phạm tội không xác định một trong những biện pháp tha miễn sau: miễn TNHS trong trường hợp người phạm tội chưa bị kết án và một trong các biện pháp tha miễn khác sau đây nếu người phạm tội đã bị kết án - hình phạt được rút ngắn, hình phạt được thay bằng hình phạt khác nhẹ hơn, miễn hình phạt bổ sung hoặc xoá án tích (đối với người đã chấp hành xong hình phạt).

- Đặc xá do Tổng thống liên bang Nga quyết định đối với riêng một người phạm tội bị kết án cụ thể một trong các biện pháp tha miễn sau: không phải tiếp tục CHHP, hình phạt được rút ngắn, hình phạt được thay bằng hình phạt khác nhẹ hơn hoặc xoá án tích (đối với người đã chấp hành xong hình phạt).

1.2.2. Đặc xá, đại xá theo quy định của PLHS Hoa Kỳ

Hoa kỳ là một nhà nước liên bang trong đó tất cả các bang và chính quyền liên bang đều có hệ thống pháp luật độc lập, trong đó có luật hình sự độc lập (quy định về tội phạm và chế tài) và luật TTHS (quy định về các giai đoạn từ khi bị bắt đến khởi tố, truy tố, kết án, tuyên án và phóng thích khỏi nhà tù). Hiến pháp Hợp chúng quốc Hoa Kỳ không có quy định về đại xá mà chỉ có quy định về đặc xá - Điều II, Khoản 2 quy định "Tổng thống có quyền huỷ bỏ bản án hoặc ân xá đối với những hành vi chống lại Hoa Kỳ, trừ những trường hợp xét xử các vụ trọng tội".

Theo truyền thống, mỗi bang ở Hoà Kỳ đều có cơ quan đặc xá riêng với các thành viên do thống đốc bang chỉ định. Cơ quan đặc xá thường là một bộ

phận của Ủy ban đặc xá (cơ quan trợ cấp, giám sát những người phạm tội sau khi họ được tha) và đóng vai trò chủ yếu trong việc phóng thích tù nhân khỏi nhà tù. PLHS liên bang chỉ quy định những điều kiện cơ bản nhất để có thể chọn được một phạm nhân được hưởng đặc xá, vì thế khi áp dụng vào các bang, thì điều kiện đặc xá có sự giao động. Thường thì điều kiện chung để có thể được hưởng đặc xá đối với người đang CHHP tù là đã chấp hành 1/3 bản án. Theo thủ tục, sau khi có đơn thỉnh cầu của người phạm tội bị kết án (đang CHHP tù hoặc bị kết án tử hình), cơ quan đặc xá sẽ xem xét chọn lọc các đơn thỉnh cầu, sau đó tiến hành phỏng vấn tại nhà tù đối với những người có thể được đặc xá. Trên cơ sở kết quả cuộc phỏng vấn, kết quả cải tạo (những tiến bộ của tù nhân trong thời gian thụ án) và những tình tiết trong vụ án, cơ quan đặc xá sẽ làm kiến nghị gửi lên thống đốc bang. Thống đốc mỗi bang có quyền ra lệnh ân xá hay giảm hình phạt của kẻ phạm tội trong bang đó. Tổng thống Hoa Kỳ cũng có quyền tương đương đối với kẻ phạm tội của liên bang.

1.3. ĐẶC XÁ, ĐẠI XÁ THEO QUY ĐỊNH CỦA PLHS VIỆT NAM

1.3.1. Đặc xá, đại xá theo quy định của PLHS Việt Nam trong thời kỳ nhà nước phong kiến

1.3.1.1. Giai đoạn trước khi có Bộ luật Hồng Đức

Trong thời kỳ nhà nước phong kiến, mọi quyền lực đều tập trung trong tay nhà vua (thiên tử). Vì thế, đặc xá, đại xá trong giai đoạn này không có sự phân biệt rõ ràng và đều do vua quyết định. Lịch sử PLHS Việt Nam đã ghi nhận sự xuất hiện khá sớm của đặc xá, đại xá.

- Theo TS Trần Quang Tiệp thì "Lần đầu tiên trong lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam, dưới thời kỳ nhà Lý đã có quy định về tha miễn hình phạt. Năm Kỷ Dậu 1129, Lý Thần Tông xuống chiếu tha cho những người phạm tội trong nước" [63, Tr. 20]. Nếu coi đây là lần đầu tiên trong lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam có quy định về tha miễn hình phạt, thì cũng có thể coi đây

là văn bản đại xá (xuống chiếu tha cho những người phạm tội trong nước) đầu tiên trong lịch sử pháp luật hình sự nước ta.

- Tuy nhiên, theo Đại Việt sử ký toàn thư thì mùa đông, tháng 10 năm Canh Thìn 1040, Vua Lý Thái Tông (Lý Phật Mã) đã đại xá thiên hạ "Mùa đông, tháng 10, mở hội La Hán ở Long Trì, đại xá thiên hạ, tha tội lưu, tội đồ và một nửa tiền thuế cho thiên hạ" [23, Tr. 97].

- Theo Khâm định Việt sử Thông giám Cương mục thì năm Canh Tuất 1010, Vua Lý Thái Tổ (Lý Công Uẩn) đã "Xá thuế ba năm cho cả nước. Phàm những thuế các năm trước còn thiếu đều xoá bỏ cho cả. Những người Mãn bị bắt làm tù binh từ năm Canh Thụy, nhà Lê, đều phát quần áo, tha cho về" [40, Tr. 107].

Những thông tin trên cho thấy việc xác định lần, đại xá đầu tiên trong lịch sử vẫn chưa thống nhất. Tuy vậy, vẫn có thể kết luận rằng đặc xá, đại xá đã xuất hiện khá sớm trong lịch sử pháp luật hình sự Việt Nam. Trong giai đoạn này, hiện không có tài liệu lịch sử nào ghi chép về pháp luật hình sự Việt Nam nói chung và chế định đặc xá, chế định đại xá nói riêng còn lưu lại.

1.3.1.2. Đặc xá, đại xá theo quy định của Bộ luật Hồng Đức

Có thể nói, trong Quốc triều hình luật (Bộ luật Hồng Đức) được ban hành vào khoảng năm 1428 dưới triều vua Lê Thái Tổ, lần đầu tiên chế định đặc xá chính thức được quy định (mặc dù mục đích là nhằm bảo vệ quyền lợi của giai cấp thống trị) - Điều 4, chương Danh lệ, Bộ luật Hồng Đức có ghi rõ "Phàm những người thuộc vào tám điều nghị xét giảm tội trên này mà phạm vào tử tội, thì các quan nghị án phải khai rõ tội trạng và hình phạt nên xử thế nào, làm thành bản tâu, dâng lên vua để vua xét định" [61, Tr. 210]. Như vậy, đối với những người thuộc diện bát nghị mà phạm vào tử tội thì các quan nghị án có nhiệm vụ xét tội cho đúng pháp luật và dâng lên vua quyết định. Đây có

thể coi là trường hợp xét đơn xin ân giảm án tử hình đặc biệt (một trong hai trường hợp của đặc xá).

Theo Điều 3, chương Danh lệ, Quốc triều hình luật thì bát nghị gồm: 1) Nghị thân: họ hàng nhà vua trong 5 thế hệ, họ hoàng thái hậu phải để tang từ 3 tháng trở lên, họ hoàng hậu phải để tang từ 5 tháng trở lên. 2) Nghị cố: những người đã phục vụ lâu năm hoặc những người quen thuộc cũ của vua. 3) Nghị hiền: những người có đức hạnh lớn. 4) Nghị năng: những người có tài năng lớn. 5) Nghị công: những người có công lớn. 6) Nghị quý: quan lại có hàm tam phẩm trở lên, quan có chức nhân tản từ nhị phẩm trở lên. 7) Nghị cần: những người cần mẫn chăm chỉ trong chức vụ đảm đương. 8) Nghị tân: con cháu các triều vua trước hoặc khách quý của vua.

Ngoài quy định trên, trong Quốc triều hình luật không có quy định cụ thể về chế định đặc xá, chế định đại xá. Tuy nhiên, giống như các triều đại phong kiến trong lịch sử, thời kỳ này vua là người nắm giữ mọi quyền lực của nhà nước phong kiến và cũng là người có quyền quyết định đặc xá, đại xá.

1.3.1.3. Đặc xá, đại xá theo quy định của Bộ luật Gia Long

Năm 1802, sau khi đánh bại triều đại Tây Sơn, Nguyễn Ánh lên ngôi vua, lấy hiệu là Gia Long. Hoàng Việt luật lệ (Bộ luật Gia Long) được xây dựng hoàn tất năm 1811, năm 1812 được khắc in tại Trung Quốc và có hiệu lực từ năm 1813. Về cơ bản Bộ luật Gia Long sao chép và bắt chước luật lệ nhà Thanh. Cũng giống như Bộ luật Hồng Đức, Bộ luật Gia Long vẫn giữ quy định bảo vệ những người thuộc diện bát nghị phạm vào tử tội, các quan nghị án không được tự ý quyết định mà phải trình bày đầy đủ những nguyên do qua lá thư dán kín và gửi lên Vua xin chỉ thị của Vua. Như vậy, mặc dù không có quy định cụ thể về chế định đặc xá, chế định đại xá, nhưng trên thực tế, vua là người nắm giữ mọi quyền lực của nhà nước phong kiến và cũng là người có quyền quyết định đặc xá, đại xá.

1.3.1.4. Một số lần đặc xá, đại xá trong lịch sử pháp luật hình sự Việt Nam thời kỳ nhà nước phong kiến

Lịch sử pháp luật hình sự Việt Nam thời kỳ nhà nước phong kiến đã ghi nhận rất nhiều lần đặc xá, đại xá của các triều đại phong kiến đối với người phạm tội. Sau đây là một số lần đặc xá, đại xá cụ thể:

- Năm Canh Tuất 1010: Vua Lý Thái Tổ (Lý Công Uẩn) "Xá thuế ba năm cho cả nước. Phàm những thuế các năm trước còn thiếu đều xoá bỏ cho cả. Những người Mãn bị bắt làm tù binh từ năm Canh Thụy, nhà Lê, đều phát quần áo, tha cho về".

- Năm Canh Thìn 1040: mùa đông, tháng 10, Vua Lý Thái Tông (Lý Phật Mã) "mở hội La Hán ở Long Trì, đại xá thiên hạ, tha tội lưu, tội đồ và một nửa tiền thuế cho thiên hạ".

- Năm Kỷ Dậu 1129: Vua Lý Thần Tông (Lý Dương Hoán) "xuống chiếu tha cho những người phạm tội trong nước".

- Năm Nhâm Dần 1242: Vua Trần Thái Tông (Trần Cảnh) "Đại hạn từ tháng 5 đến tháng 6. Nhà vua hạ lệnh xét lại tội trạng những tù nhân đương bị giam, và đại xá cho thiên hạ" [40, Tr. 200].

- Năm Bính Ngọ 1426: Vua Minh (Trung Quốc) xuống chiếu "Những quan lại và quân dân Giao chỉ mắc tội phản nghịch và các tội khác, đã bị phát giác hay chưa bị phát giác, đã được xét xử hay chưa được xét xử, kể từ ngày chiếu thư này ban ra, không kể tội lớn hay tội nhỏ, đều được tha cho" [23, Tr. 336]. (Thời gian này nước ta đang bị phong kiến Trung Quốc xâm lược và bị coi là một châu của Nhà nước phong kiến Trung Quốc khi đó - Giao Chỉ).

- Năm Bính Thân 1476: Vua Lê Thánh Tông (Lê Tư Thành) "Tháng 3, ngày 16, ra lệnh đại xá gồm 49 điều" [23, Tr. 482].

- Năm Mậu Tuất 1598: Vua Mạc Kính Cung "Tháng giêng, ngày 16 ban bố bào cáo đại xá thiên hạ, hết thảy bọn trộm cướp, tù trốn đều được ân xá, thuế khoá bỏ thiếu lâu năm đều được tha miễn" [23, Tr. 649].

- Năm Đinh Mùi 1667: Vua Lê Huyền Tông (Lê Duy Vũ) "thể theo đức lớn hiếu sinh, đối với người đầu hàng đều gia ơn khoan hồng, những kẻ bị ép theo giặc đều tha cho cả" [23, Tr. 696].

Qua nghiên cứu lịch sử đặc xá, đại xá trong thời kỳ nhà nước phong kiến chúng tôi có một số nhận xét sau:

Thứ nhất, đặc xá, đại xá trong thời kỳ nhà nước phong kiến ở Việt Nam không chỉ thể hiện truyền thống nhân đạo tốt đẹp của dân tộc mà còn thể hiện tấm lòng nhân hậu, bao dung của người đứng đầu nhà nước (vua), thậm chí nhằm khuyếch trương hình ảnh của một bậc minh quân, thu phục lòng người, vỗ yên dân chúng trong nước, góp phần củng cố vững chắc sự thống trị của các triều đại phong kiến trong lịch sử. Cũng có khi văn bản đặc xá, đại xá được các triều đại phong kiến Trung Quốc ban hành nhằm mục đích my dân, duy trì ách đô hộ đối với nước ta.

Thứ hai, cùng với việc đổi niên hiệu, chiếu (lệnh) đại xá thiên hạ thường được các vua ban ra sau khi lên ngôi, nhân dịp Tết nguyên đán hoặc nhân các sự kiện quan trọng khác (hoàng hậu sinh con trai, vua mở hội hoặc khánh thành các công trình quan trọng của đất nước...). Tuy nhiên "đại xá thiên hạ" trong thời kỳ này mang ý nghĩa rộng, không chỉ liên quan đến người phạm tội trong phạm vi PLHS, mà còn được áp dụng đối với các lĩnh vực khác (Ví dụ: miễn thuế, giảm thuế...).

Thứ ba, đặc xá, đại xá trong giai đoạn này thường không theo một trình tự, thủ tục nhất định mà do người đứng đầu nhà nước (vua) tự quyết định và cũng không bị giới hạn hay ràng buộc bởi bất cứ quy định nào. Vua có quyền

tối cao, có thể quyết định tất cả những vấn đề liên quan đến người phạm tội (không giới hạn phạm vi và biện pháp được áp dụng).

Thứ tư, đặc xá, đại xá trong giai đoạn nhà nước phong kiến không có sự phân định rõ ràng và đều do vua quyết định. Theo ghi chép của các tài liệu lịch sử, thì đặc xá, đại xá được tiến hành thường xuyên và hầu như triều đại phong kiến nào cũng tiến hành đại xá thiên hạ.

1.3.2. Đặc xá, đại xá theo quy định của PLHS Việt Nam từ năm 1945 đến nay

Từ sau Cách mạng tháng 8/1945 đến trước khi có Bộ luật Hình sự năm 1999, Nhà nước ta đã 2 lần tiến hành đại xá và khoảng 35 lần tiến hành đặc xá. Tuy nhiên, chế định đặc xá, chế định đại xá chỉ được quy định trong hiến pháp, các văn bản đặc xá, văn bản đại xá ban hành trong những lần đặc xá, đại xá cụ thể hoặc được đề cập đến với tính chất là một thủ tục tố tụng (xét đơn xin ân giảm án tử hình). Các vấn đề quan trọng như khái niệm, các đặc điểm cơ bản, bản chất pháp lý... của chế định đặc xá, chế định đại xá đều không được đề cập trong các văn bản PLHS. Thậm chí, ngay cả trong Bộ luật Hình sự năm 1985 - Bộ luật Hình sự lần đầu tiên của nước ta, đánh dấu một bước phát triển mới trong lĩnh vực lập pháp về hình sự - do nhiều nguyên nhân khác nhau nên không có quy định nào liên quan đến chế định đặc xá và chế định đại xá.

Trong lần pháp điển hoá năm 1999, TSKH. PGS Lê Cẩm đã đưa ra những kiến giải lập pháp liên quan đến chế định đặc xá và chế định đại xá với tính chất là hai chế định độc lập trong PLHS Việt Nam. Mặc dù không được những nhà làm luật tiếp thu và ghi nhận trong Bộ luật Hình sự năm 1999, nhưng lần đầu tiên tại hai điều luật (Điều 25 - Miễn trách nhiệm hình sự và Điều 57 - Miễn chấp hành hình phạt) có quy định về đặc xá với tính chất là một trường hợp của miễn CHHP; đại xá với tính chất là một trường hợp của

miễn TNHS và một trường hợp của miễn CHHP. Tuy đây không phải là một pháp điển hoá toàn diện và triệt để về chế định đặc xá, chế định đại xá, nhưng bằng những quy định trên, lần đầu tiên nhà làm luật Việt Nam đã chính thức thừa nhận đặc xá, đại xá là hai chế định của PLHS, thể hiện nguyên tắc nhân đạo của chính sách hình sự nói chung cũng như của PLHS nói riêng trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền.

1.4. PHÂN BIỆT ĐẶC XÁ, ĐẠI XÁ VỚI MỘT SỐ CHẾ ĐỊNH LIÊN KÈ KHÁC TRONG PLHS

1.4.1. Phân biệt đặc xá, đại xá với miễn TNHS

Khái niệm miễn TNHS: "Miễn TNHS là huỷ bỏ hậu quả pháp lý hình sự của việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị luật hình sự cấm đối với người bị coi là có lỗi trong việc thực hiện hành vi đó" [14, Tr. 753].

Bản chất pháp lý của chế định miễn TNHS: "Miễn TNHS là một chế định nhân đạo của luật hình sự Việt Nam và được thể hiện ở chỗ - tùy thuộc vào giai đoạn TTHS tương ứng cụ thể, cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền huỷ bỏ hậu quả pháp lý hình sự của việc thực hiện tội phạm cho người phạm tội khi có đầy đủ căn cứ và điều kiện nhất định được ghi trong PLHS" [14, Tr. 755].

So sánh khái niệm, bản chất pháp lý của chế định miễn TNHS với khái niệm, bản chất pháp lý của chế định đặc xá và chế định đại xá có thể rút ra những điểm giống và khác nhau sau đây:

1.4.1.1. Những điểm giống nhau của chế định đặc xá, chế định đại xá với chế định miễn TNHS

Thứ nhất, đặc xá, đại xá và miễn TNHS đều là chế định nhân đạo của PLHS Việt Nam, phản ánh nguyên tắc nhân đạo của chính sách hình sự nói chung và PLHS nói riêng.

Thứ hai, các chế định đặc xá, đại xá và miễn TNHS đều được áp dụng đối với đối tượng là người phạm tội có đủ những điều kiện nhất định.

Thứ ba, việc áp dụng các chế định đặc xá, đại xá và miễn TNHS đều mang lại hậu quả pháp lý có lợi cho đối tượng được hưởng.

1.4.1.2. Những điểm khác nhau của chế định đặc xá, chế định đại xá với chế định miễn TNHS

Tiêu chí	Chế định đặc xá, chế định đại xá	Chế định miễn TNHS
Hình thức	Văn bản đặc xá, văn bản đại xá là văn bản quy phạm pháp luật: quyết định của Chủ tịch nước; nghị quyết (quyết định) của Quốc hội; có tính chất bắt buộc chung đối với các cơ quan tư pháp hình sự.	Là văn bản áp dụng pháp luật của một cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền (cơ quan điều tra với sự phê chuẩn của Viện kiểm sát, Viện kiểm sát hoặc Tòa án).

Nội dung	Là sự khoan hồng của Nhà nước mang tính chất tổng hợp về mặt pháp lý hình sự (đặc xá) hoặc về mặt pháp lý hình sự và TTHS (đại xá).	Là sự khoan hồng hoặc xét thấy không cần thiết phải truy cứu TNHS (do chuyển biến của tình hình mà hành vi phạm tội hoặc người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội).
Thẩm quyền	Đặc xá là quyền hiến định của Chủ tịch nước, đại xá là quyền hiến định của Quốc hội. Thẩm quyền đặc xá, đại xá không phụ thuộc vào giai đoạn TTHS.	Tùy thuộc vào giai đoạn TTHS, một trong các cơ quan tư pháp hình sự (cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Tòa án) sẽ có thẩm quyền miễn TNHS.
Phạm vi của đối tượng được áp dụng	Áp dụng đối với một (đặc xá) hoặc một loạt (đại xá) người phạm tội nhất định nào đó chưa bị kết án hoặc đã bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án.	Áp dụng đối với một người phạm tội cụ thể chưa bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án.
Phạm vi các biện pháp tha miễn cụ thể được áp dụng	Một trong 6 biện pháp tha miễn do PLHS quy định - miễn TNHS, miễn hình phạt, giảm nhẹ hình phạt, miễn CHHP, giảm thời hạn CHHP và xoá án tích.	Một biện pháp tha miễn duy nhất (miễn TNHS).

1.4.2. Phân biệt đặc xá, đại xá với miễn hình phạt

Khái niệm miễn hình phạt: "Miễn hình phạt là huỷ bỏ biện pháp cưỡng chế về hình sự nghiêm khắc nhất cho người bị kết án mà lẽ ra Tòa án phải tuyên trong bản án kết tội có hiệu lực pháp luật đối với người này" [14, Tr. 779].

Bản chất pháp lý của chế định miễn hình phạt: "Miễn hình phạt là một chế định nhân đạo của PLHS Việt Nam và được thể hiện ở chỗ Tòa án không quyết định hình phạt trong bản án kết tội có hiệu lực pháp luật đối với người bị coi là có lỗi trong việc thực hiện tội phạm, tức là không áp dụng đối với

người này biện pháp cưỡng chế về hình sự nghiêm khắc nhất khi có đầy đủ căn cứ và những điều kiện được quy định trong PLHS" [14, Tr. 780].

So sánh khái niệm, bản chất pháp lý của chế định miễn hình phạt với khái niệm, bản chất pháp lý của chế định đặc xá và chế định đại xá có thể rút ra những điểm giống và khác nhau sau đây:

1.4.2.1. Những điểm giống nhau của chế định đặc xá, chế định đại xá với chế định miễn hình phạt

Thứ nhất, đặc xá, đại xá và miễn hình phạt đều là chế định nhân đạo của PLHS Việt Nam, phản ánh nguyên tắc nhân đạo của chính sách hình sự nói chung và PLHS nói riêng.

Thứ hai, các chế định đặc xá, đại xá và miễn hình phạt đều được áp dụng đối với đối tượng là người phạm tội có đủ những điều kiện nhất định.

Thứ ba, việc áp dụng các chế định đặc xá, đại xá và miễn hình phạt đều mang lại hậu quả pháp lý có lợi cho đối tượng được hưởng.

1.4.2.2. Những điểm khác nhau giữa chế định đặc xá, chế định đại xá với chế định miễn hình phạt

Tiêu chí	Chế định đặc xá, chế định đại xá	Chế định miễn hình phạt
Hình thức	Văn bản đặc xá, văn bản đại xá là văn bản quy phạm pháp luật: quyết định của Chủ tịch nước; nghị quyết (quyết định) của Quốc hội; có tính chất bắt buộc chung đối với các cơ quan tư pháp hình sự.	Là văn bản áp dụng pháp luật của Tòa án.
Thẩm quyền	Đặc xá là quyền hiến định của Chủ tịch nước, đại xá là quyền hiến định của Quốc hội.	Theo quy định của luật hình sự, Tòa án có thẩm quyền miễn hình phạt.
Phạm vi của đối tượng được áp dụng	Áp dụng với một (đặc xá) hoặc một loạt (đại xá) người phạm tội nhất định nào đó chưa bị kết án hoặc đã bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án.	Áp dụng đối với một người phạm tội bị kết án cụ thể mà lẽ ra nếu không có đủ các căn cứ và điều kiện do pháp luật quy định thì người đó phải bị Tòa án áp dụng một hình phạt nào

		đó trên thực tế.
Phạm vi các biện pháp tha miễn cụ thể được áp dụng	Một trong 6 biện pháp tha miễn do PLHS quy định - miễn TNHS, miễn hình phạt, giảm nhẹ hình phạt, miễn CHHP, giảm thời hạn CHHP và xoá án tích.	Một biện pháp tha miễn duy nhất (miễn hình phạt).

1.4.3. Phân biệt đặc xá, đại xá với miễn CHHP

Khái niệm miễn CHHP: "Miễn CHHP là huỷ bỏ việc chấp hành biện pháp cưỡng chế về hình sự nghiêm khắc nhất mà Toà án đã tuyên trong bản án kết tội có hiệu lực pháp luật đối với người bị kết án" [14, Tr. 790].

Bản chất pháp lý của chế định miễn CHHP: "Miễn CHHP là một chế định nhân đạo của luật hình sự Việt Nam và được thể hiện ở chỗ - Toà án vẫn quyết định hình phạt nhất định trong bản án kết tội có hiệu lực pháp luật đối với người bị coi là có lỗi trong việc thực hiện tội phạm, nhưng không buộc người này phải chấp hành toàn bộ hình phạt ấy khi có đầy đủ căn cứ và những điều kiện do PLHS quy định" [14, Tr. 790].

So sánh khái niệm, bản chất pháp lý của chế định miễn CHHP với khái niệm, bản chất pháp lý của chế định đặc xá và chế định đại xá có thể rút ra những điểm giống và khác nhau sau đây:

1.4.3.1. Những điểm giống nhau của chế định đặc xá, chế định đại xá với chế định miễn CHHP

Thứ nhất, đặc xá, đại xá và miễn CHHP đều là chế định nhân đạo của PLHS Việt Nam, phản ánh nguyên tắc nhân đạo của chính sách hình sự nói chung và PLHS nói riêng.

Thứ hai, chế định đặc xá, đại xá và miễn CHHP đều được áp dụng đối với đối tượng là người phạm tội có đủ những điều kiện nhất định.

Thứ ba, việc áp dụng chế định đặc xá, chế định đại xá và chế định miễn CHHP đều mang lại hậu quả pháp lý có lợi cho đối tượng được hưởng.

1.4.3.2. Những điểm khác nhau giữa chế định đặc xá, chế định đại xá với chế định miễn CHHP

Tiêu chí	Chế định đặc xá, chế định đại xá	Chế định miễn CHHP
Hình thức	Văn bản đặc xá, văn bản đại xá là văn bản quy phạm pháp luật: Quyết định của Chủ tịch nước; nghị quyết (quyết định) của Quốc hội; có tính chất bắt buộc chung đối với các cơ quan tư pháp hình sự.	Là văn bản áp dụng pháp luật của Tòa án.
Thẩm quyền	Đặc xá là quyền hiến định của Chủ tịch nước, đại xá là quyền hiến định của Quốc hội.	Theo quy định của luật hình sự, Tòa án có thẩm quyền miễn CHHP.
Phạm vi của đối tượng được áp dụng	Áp dụng với một (đặc xá) hoặc một loạt (đại xá) người phạm tội nhất định nào đó chưa bị kết án hoặc đã bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án.	Áp dụng đối với một người phạm tội bị kết án cụ thể (Tòa án vẫn quyết định hình phạt nhưng không buộc người này phải chấp hành).
Phạm vi các biện pháp tha miễn cụ thể được áp dụng	Một trong 6 biện pháp tha miễn do PLHS quy định - miễn TNHS, miễn hình phạt, giảm nhẹ hình phạt, miễn CHHP, giảm thời hạn CHHP và xoá án tích.	Một biện pháp tha miễn duy nhất (miễn CHHP).

1.4.4. Phân biệt đặc xá, đại xá với giảm mức hình phạt đã tuyên

Khái niệm giảm mức hình phạt đã tuyên: "Giảm mức hình phạt đã tuyên là rút ngắn thời hạn của việc chấp hành phần hình phạt còn lại của loại hình phạt có thời hạn hoặc miễn việc tiếp tục chấp hành phần còn lại của hình phạt không có thời hạn đối với người bị kết án" [14, Tr. 792].

Bản chất pháp lý của chế định giảm mức hình phạt đã tuyên: "Giảm mức hình phạt đã tuyên là một chế định nhân đạo của luật hình sự Việt Nam và được thể hiện ở chỗ - khi có đầy đủ căn cứ và những điều kiện được quy định

trong PLHS, Toà án quyết định việc rút ngắn thời gian CHHP cải tạo không giam giữ hoặc hình phạt tù có thời hạn đối với người bị kết án đang CHHP tưng ứng (nếu người này đã chấp hành được một thời gian nhất định) hoặc miễn phần tiền còn lại đối với người bị kết án đang CHHP tiền" [14, Tr. 792].

So sánh khái niệm, bản chất pháp lý của chế định giảm mức hình phạt đã tuyên với khái niệm, bản chất pháp lý của chế định đặc xá và chế định đại xá có thể rút ra những điểm giống và khác nhau sau đây:

1.4.4.1. Những điểm giống nhau của chế định đặc xá, chế định đại xá với chế định giảm mức hình phạt đã tuyên

Thứ nhất, đặc xá, đại xá và giảm mức hình phạt đã tuyên đều là chế định nhân đạo của PLHS Việt Nam, phản ánh nguyên tắc nhân đạo của chính sách hình sự nói chung và PLHS nói riêng.

Thứ hai, chế định đặc xá, đại xá và giảm mức hình phạt đã tuyên đều được áp dụng đối với đối tượng là người phạm tội có đủ những điều kiện nhất định.

Thứ ba, việc áp dụng chế định đặc xá, chế định đại xá và chế định giảm mức hình phạt đã tuyên đều mang lại hậu quả pháp lý có lợi cho đối tượng được hưởng.

1.4.4.2. Những điểm khác nhau giữa chế định đặc xá, chế định đại xá với chế định giảm mức hình phạt đã tuyên

Tiêu chí	Chế định đặc xá, chế định đại xá	Chế định giảm mức hình phạt đã tuyên
Hình thức	Văn bản đặc xá, văn bản đại xá là văn bản quy phạm pháp luật: quyết định của Chủ tịch nước; nghị quyết (quyết định) của Quốc hội; có tính chất bắt buộc chung đối với các cơ quan tư pháp hình sự.	Là văn bản áp dụng pháp luật của Toà án.
Thẩm	Đặc xá là quyền hiến định của Chủ	Theo quy định của luật hình sự,

quyền	tịch nước, đại xá là quyền hiến định của Quốc hội.	Toà án có thẩm quyền giảm mức hình phạt đã tuyên.
Phạm vi của đối tượng được áp dụng	Áp dụng với một (đặc xá) hoặc một loạt (đại xá) người phạm tội nhất định nào đó chưa bị kết án hoặc đã bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật của Toà án.	Áp dụng đối với một người phạm tội bị kết án cụ thể.
Phạm vi các biện pháp tha miễn cụ thể được áp dụng	Một trong 6 biện pháp tha miễn do PLHS quy định - miễn TNHS, miễn hình phạt, giảm nhẹ hình phạt, miễn CHHP, giảm thời hạn CHHP và xoá án tích.	Một biện pháp tha miễn duy nhất (miễn hình phạt).

1.4.5. Phân biệt đặc xá, đại xá với án tích

Các khái niệm liên quan đến chế định án tích:

"1) **Án tích** là hậu quả pháp lý của việc người bị kết án bị áp dụng hình phạt theo bản án kết tội có hiệu lực pháp luật của Toà án và là giai đoạn cuối cùng của việc thực hiện TNHS, được thể hiện trong việc người bị kết án mặc dù đã chấp hành xong bản án (bao gồm hình phạt chính, hình phạt bổ sung và các quyết định khác của Toà án) nhưng vẫn chưa hết án tích hoặc chưa được xoá án tích theo các quy định của PLHS.

2) **Hết án tích** là việc chấm dứt TNHS của người bị kết án do người đó đương nhiên hết (được xóa) án tích theo các quy định của PLHS mà không cần có sự xem xét và không cần có quyết định riêng của Toà án công nhân là chưa bị kết án.

3) **Xoá án tích** là việc chấm dứt TNHS của người bị kết án do người đó được xoá án tích theo các quy định của PLHS trên cơ sở có sự xem xét và có quyết định riêng của Toà án công nhận là chưa bị kết án" [14, Tr. 829, 830].

Bản chất pháp lý của chế định án tích: "Án tích là một chế định nhân đạo của luật hình sự Việt Nam và được thể hiện trong việc huỷ bỏ hậu quả pháp lý hình sự đối với người bị kết án, tức là chấm dứt hoàn toàn TNHS của người đó khi người đó đáp ứng đầy đủ những điều kiện để được đương nhiên hết án tích hoặc được Toà án xoá án tích theo các quy định của PLHS" [14, Tr. 830].

So sánh khái niệm, bản chất pháp lý của chế định án tích với khái niệm, bản chất pháp lý của chế định đặc xá và chế định đại xá có thể rút ra những điểm giống và khác nhau sau đây:

1.4.5.1. Những điểm giống nhau của chế định đặc xá, chế định đại xá với chế định án tích

Thứ nhất, đặc xá, đại xá và án tích đều là chế định nhân đạo của PLHS Việt Nam, phản ánh nguyên tắc nhân đạo của chính sách hình sự nói chung và PLHS nói riêng.

Thứ hai, chế định đặc xá, chế định đại xá và chế định án tích (hết án tích và xoá án tích) đều được áp dụng đối với đối tượng là người phạm tội có đủ những điều kiện nhất định.

Thứ ba, việc áp dụng chế định đặc xá, chế định đại xá và chế định án tích (hết án tích và xoá án tích) đều mang lại hậu quả pháp lý có lợi cho đối tượng được hưởng.

1.4.5.2. Những điểm khác nhau giữa chế định đặc xá, chế định đại xá với chế định án tích

Tiêu chí	Chế định đặc xá, chế định đại xá	Chế định án tích
Hình thức	Văn bản đặc xá, văn bản đại xá là văn bản quy phạm pháp luật: quyết định của Chủ tịch nước; nghị quyết (quyết định) của Quốc hội; có tính chất bắt buộc chung đối với các cơ quan tư pháp hình sự.	Xoá án tích là văn bản áp dụng pháp luật của Toà án. Hết án tích (đương nhiên được coi là không còn án tích) không cần có văn bản của bất kỳ cơ quan nào.

Thẩm quyền	Đặc xá là quyền hiến định của Chủ tịch nước, đại xá là quyền hiến định của Quốc hội.	Thẩm quyền xoá án tích thuộc về Toà án. Trường hợp hết án tích không cần có sự xem xét của bất kỳ cơ quan nào.
------------	--	--

Phạm vi của đối tượng được áp dụng	Áp dụng với một (đặc xá) hoặc một loạt (đại xá) người phạm tội nhất định nào đó chưa bị kết án hoặc đã bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án.	Áp dụng đối với một người phạm tội bị kết án cụ thể đã chấp hành xong bản án.
Phạm vi các biện pháp tha miễn cụ thể được áp dụng	Một trong 6 biện pháp tha miễn do PLHS quy định - miễn TNHS, miễn hình phạt, giảm nhẹ hình phạt, miễn CHHP, giảm thời hạn CHHP và xoá án tích.	Một biện pháp tha miễn (xoá án tích) và một trường hợp đương nhiên được coi là không còn án tích (hết án tích).

Chương 2

THỰC TIỄN CÔNG TÁC ĐẶC XÁ, ĐẠI XÁ Ở NƯỚC TA VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT VỀ ĐẶC XÁ VÀ ĐẠI XÁ TRONG THỜI GIAN TỚI

2.1. THỰC TIỄN CÔNG TÁC XÉT ĐẶC XÁ Ở NƯỚC TA

Đặc xá thường được thể hiện dưới hai trường hợp (dạng): 1) xét đặc xá tha hoặc giảm hạn tù; 2) xét đơn xin ân giảm án tử hình. Nhưng vì không có những tài liệu về thực tiễn xét đơn xin ân giảm án tử hình trong những năm qua nên trong phần này, chúng tôi không đề cập đến thực tiễn xét đơn xin ân giảm án tử hình mà chỉ xin đề cập đến thực tiễn xét đặc xá tha hoặc giảm hạn tù. Tuy nhiên, vẫn có thể đưa ra một số nhận xét về trường hợp xét đơn xin ân giảm án tử hình như sau:

- Xét đơn xin ân giảm án tử hình đã có từ rất sớm và được thực hiện thường xuyên, liên tục. Ngày 13/9/1945, Chủ tịch Chính phủ lâm thời đã ban hành Sắc lệnh số 33C lần đầu tiên quy định về xét đơn xin ân giảm án tử hình.

- Thẩm quyền xét đơn xin ân giảm án tử hình không có sự thay đổi, luôn thuộc về nguyên thủ quốc gia. Vì đây không chỉ là quy định của pháp luật mà trên thực tế đã trở thành thông lệ trong lịch sử pháp luật hình sự Việt Nam cũng như trong lịch sử pháp luật hình sự thế giới.

- Việc xét đơn xin ân giảm án tử hình không có những quy định ràng buộc cụ thể. Trên cơ sở tham khảo ý kiến đề xuất của các cơ quan chức năng có liên quan và xem xét tổng hợp nhiều yếu tố khác nhau, nguyên thủ quốc gia quyết định ân giảm hoặc bác đơn xin ân giảm án tử hình.

2.1.1. Thực tiễn công tác đặc xá trước năm 1975

Từ sau Cách mạng tháng 8/1945 đến trước ngày 30/4/1975, đất nước ta liên tục phải đối đầu với hai kẻ thù lớn - thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Nhiệm vụ quan trọng nhất trong giai đoạn này của cách mạng Việt Nam được Trung ương Đảng và Bác Hồ xác định là: kháng chiến và kiến quốc (9/1945 -

7/1954); xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc ở miền Nam (7/1954 - 4/1975). Nhiệm vụ cơ bản của các cơ quan tư pháp hình sự trong giai đoạn này là tập trung đấu tranh phòng, chống bọn phản cách mạng và một số tội phạm khác, bảo vệ chính quyền cách mạng, ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Từ thực tiễn đó, công tác đặc xá trong giai đoạn này có một số đặc điểm như sau:

2.1.1.1. Đối tượng xét đặc xá

- Đối tượng đặc xá có thể là hàng loạt người phạm tội bị kết án phạt tù nào đó (đây là trường hợp đặc biệt - đặc xá áp dụng đối với nhiều người). Sắc lệnh số 33D, ngày 19/9/1945 của Chủ tịch Chính phủ lâm thời quy định "Các tội nhân bị kết án trước ngày 19 tháng 8 dương lịch năm 1945 sẽ được phóng thích theo cách thức nhất định... Những người được phóng thích thì được tha ngay, nhưng vẫn coi là các phạm nhân: bản án và hồ sơ vẫn giữ nguyên. Nếu sau này có một đạo luật ân xá thì hình phạt và hồ sơ của phạm nhân mới được xoá hẳn".

- Do thực tiễn công tác tư pháp hình sự lúc bấy giờ, người phạm tội có thể bị kết án phạt tù hoặc bị kết án khổ sai. Vì thế, đối tượng đặc xá ngoài người phạm tội bị kết án phạt tù còn có người phạm tội bị kết án khổ sai.

Ví dụ: 1) Điều 1, Sắc lệnh số 89 - SL, ngày 26/9/1947 của Chủ tịch Chính phủ quy định "Những người bị Toà án quân sự hay Toà án binh xử phạt tù hay khổ sai từ ngày ký Sắc lệnh ân giảm số 148 ngày 10/8/1946 đến ngày ký sắc lệnh này đều được giảm một phần ba hạn tù hoặc khổ sai". 2) Điều 1, Sắc lệnh số 11 - SL, ngày 22/11/1950 của Chủ tịch nước quy định "Những người bị Toà án quân sự hay Toà án binh xử phạt tù hay khổ sai trước ngày ký sắc lệnh này, mà chưa được hưởng sự ân giảm ghi trong Sắc lệnh số 148 ngày 10/8/1946, số 89 - SL ngày 26/9/1947, Số 232 - SL ngày 20/8/1948, đều được giảm một phần ba hạn tù hoặc khổ sai".

- Đối tượng đặc xá có thể là người bị kết án phạm một loại tội hình sự nhất định hoặc có một số dấu hiệu nhân thân nhất định trước khi phạm tội.

Ví dụ: 1) Quyết định số 4 NQ/TVQH, ngày 29/8/1960 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định "Đặc xá cho những phạm nhân thuộc loại hình sự thường (trừ những tội lưu manh, giết người, cướp của), đã ở tù một thời gian và đã thật sự cải tạo. 2) Phần I, Thông tư số 415/TT-ĐX, ngày 30/9/1966 về việc hướng dẫn thi hành lệnh đặc xá năm 1966 quy định về đối tượng đặc xá như sau: "1- Những phạm nhân trước là công nhân viên chức nhà nước, bộ đội, nhân dân lao động phạm tội hình sự thường (như đánh bạc, nấu rượu lậu, tham ô, lừa đảo, trộm cắp có tính chất cơ hội, hiếp dâm tình tiết không nghiêm trọng, khinh xuất gây chết người...) không kể mức án là bao nhiêu... 2- Những phạm nhân trước là địa chủ cường hào đã bị xử phạt tù trong cuộc vận động giảm tô và cải cách ruộng đất, không kể mức án là bao nhiêu".

- Do yêu cầu của thực tiễn cách mạng, bên cạnh những đối tượng được đặc xá, các văn bản đặc xá thời gian này thường có thêm quy định cụ thể những đối tượng không được đặc xá. Những đối tượng này thường là bọn phản cách mạng, những tội phạm có tính chất chuyên nghiệp hoặc gây nguy hại lớn cho chính quyền cách mạng hoặc cho nhân dân...

Ví dụ: 1) Điều 1, Sắc lệnh số 89 - SL, ngày 26/9/1947 của Chủ tịch Chính phủ quy định những đối tượng sau đây không được hưởng đặc xá"... trừ ra nếu người bị phạt can tội phản quốc, gián điệp, đảo ngũ, liên lạc hoặc tiếp tế cho quân địch, đầu hàng quân địch, tự ý rút lui trước quân địch không có cơ chính đáng, âm mưu phá đổ Chính phủ, hay can tội tống tiền, ăn cướp, bắt cóc, ám sát, bắt giam người trái phép, những nhiều dân chúng, làm hoặc lưu hành giấy bạc giả, hối lộ và biển thủ tiền công quỹ thì không được hưởng". 2) Phần I, Thông tư số 415/TT-ĐX, ngày 30/9/1966 về việc hướng dẫn thi hành lệnh đặc xá năm 1966 quy định những đối tượng không thuộc

diện được xét đặc xá như sau: "Không thuộc diện đối tượng được xét đặc xá những phạm nhân vốn là lưu manh chuyên sống bằng trộm cắp, lừa đảo... Không thuộc diện đối tượng xét đặc xá những phạm nhân can tội làm gián điệp, biệt kích, thổ phi, tổ chức phản động, gây bạo loạn, hoặc trước là nguy quân, nguy quyền đã có nhiều tội ác".

2.1.1.2. Điều kiện, tiêu chuẩn xét đặc xá

Tùy từng lần đặc xá cụ thể mà điều kiện, tiêu chuẩn xét đặc xá được quy định khác nhau. Nhưng nhìn chung, điều kiện, tiêu chuẩn xét đặc xá giai đoạn này gồm có: điều kiện về thời gian đã CHHP tù, điều kiện về kết quả CHHP tù và các điều kiện khác. Một lần xét đặc xá có thể bao gồm một hoặc một số những điều kiện nêu trên.

a) Điều kiện về thời gian đã CHHP

Tùy thuộc vào những lần đặc xá cụ thể và tùy thuộc vào tính chất của đặc xá là tha tù hay giảm hạn tù, mức thời gian đã CHHP tù hoặc khổ sai có thể được quy định khác nhau.

Thứ nhất, đối với trường hợp đặc xá tha tù, điều kiện có thể là: đã CHHP tù hoặc khổ sai ít nhất 1/2 (hoặc 2/5) thời hạn đối với hình phạt tù hoặc khổ sai có thời hạn; ít nhất là 12 năm (hoặc 10 năm) đối với hình phạt tù chung thân.

Ví dụ: 1) Phần II, Mục B, Thông tư số 415/TT-ĐX, ngày 30/9/1966 về việc hướng dẫn thi hành Lệnh đặc xá năm 1966 quy định "1- Những phạm nhân được xét tha phải là những phạm nhân đã ở tù ít nhất được 1/2 mức án; nếu là bị án tù chung thân thì phải đã ở tù ít nhất 12 năm". 2) Phần II, Mục B, Thông tư số 180/TT-ĐX, ngày 7/5/1973 về việc hướng dẫn thi hành Lệnh đặc xá nhân dịp thắng lợi vĩ đại của dân tộc quy định "Những phạm nhân được xét tha tù phải là những phạm nhân đã ở tù ít nhất được 2/5 mức án, nếu bị án tù chung thân thì đã ở tù ít nhất là 10 năm".

Thứ hai, đối với trường hợp đặc xá giảm hạn tù, điều kiện có thể là: chưa chấp hành được quá nửa thời hạn tù hoặc khổ sai; đã chấp hành được ít nhất 1/5 thời hạn đối với hình phạt tù có thời hạn và ít nhất là 5 năm (hoặc 4 năm) đối với hình phạt tù chung thân. Mức giảm hạn tù cũng tùy thuộc mức án và từng lần đặc xá cụ thể (có thể là 1/3, 3/5 mức án, từ 3 tháng đến 3 năm, hoặc nếu bị tù chung thân thì lần đầu giảm xuống 20 năm...).

Ví dụ: 1) Điều 2, Mục B, Sắc lệnh số 11 - SL, ngày 22/11/1950 của Chủ tịch nước quy định "Nếu bị phạt tù hoặc khổ sai lần này là lần đầu và không phạm vào những tội kể ở đoạn C dưới đây, nhưng tính đến ngày ký Sắc lệnh này chưa ngồi được quá nửa hạn tù hoặc khổ sai, thì được giảm 1/3 hạn tù hoặc khổ sai". 2) Phần II, Mục B, Thông tư số 535/TT - ĐX, ngày 6/9/1968 hướng dẫn thi hành Lệnh đặc xá năm 1968 quy định "Về mức giảm hạn tù thì ít nhất là 3 tháng, nhiều nhất là 3 năm; nếu là bị án tù chung thân thì lần đầu chỉ được giảm xuống 20 năm tù". 3) Phần II, Mục B, Thông tư số 180/TT - ĐX, ngày 7/5/1973 hướng dẫn thi hành Lệnh đặc xá nhân dịp thắng lợi vĩ đại của dân tộc quy định "Những phạm nhân được xét giảm hạn tù là những phạm nhân đã ở tù ít nhất được 1/5 mức án, nếu bị án chung thân thì đã ở tù ít nhất được 4 năm... Những phạm nhân trước đây đã được giảm hạn tù, đến nay nếu xét có đủ điều kiện thì vẫn được giảm nữa và tổng số thời gian được giảm không quá 3/5 mức án đã bị phạt, nếu bị tù chung thân thì chỉ giảm đến mức án còn phải ở tù 10 năm là mức cuối cùng".

b) Điều kiện về kết quả CHHP

Không phải văn bản đặc xá nào trong thời gian này cũng quy định cụ thể điều kiện về kết quả CHHP. Điều kiện này được đề cập lần đầu tiên trong Thông tư số 313/TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ân xá, ân giảm, nhân dịp ngày Quốc khánh 2/9/1957 "Nhân dịp Quốc khánh ngày 2/9/1957, theo thường lệ Chính phủ sẽ ân xá, ân giảm cho những phạm nhân xét ra đã được

cải tạo". Trong những văn bản đặc xá sau này, điều kiện về kết quả CHHP được quy định như sau:

- Đối với trường hợp đặc xá tha tù: điều kiện chung về kết quả CHHP là đã cải tạo tốt và thực sự tiến bộ trong thời gian ở trại. Điều kiện cụ thể được quy định tương đối thống nhất (từ năm 1965 đến năm 1975) là: 1) Thành thật ăn năn hối lỗi, quyết tâm cải tạo để trở thành người lương thiện. 2) Tích cực lao động, tích cực học tập, có tác dụng thúc đẩy các phạm nhân khác cải tạo và tiến bộ. 3) Nghiêm chỉnh chấp hành các chế độ, nội quy của trại giam.

- Đối với trường hợp đặc xá giảm hạn tù: điều kiện về kết quả CHHP tù là phạm nhân đã thật thà, cố gắng sửa chữa theo những tiêu chuẩn được coi là cải tạo tốt áp dụng đối với trường hợp đặc xá tha tù nêu trên (những chưa đến mức cải tạo tốt).

Ví dụ: Điểm 2, Nghị quyết số 778-NQ/TVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ngày 11/8/1969 về việc đặc xá nhân dịp lễ Quốc khánh lần thứ 24 quy định "Giảm hạn tù cho những phạm nhân thật thà cố gắng sửa chữa theo đủ các tiêu chuẩn nói ở Điểm 1". Các tiêu chuẩn nói tại Điểm 1 Nghị quyết này là các tiêu chuẩn đối với trường hợp tha tù đã trình bày ở trên.

c) Điều kiện khác

Đối với một số tội phạm đặc biệt và trong một số lần xét đặc xá cụ thể, thì ngoài điều kiện về thời gian và kết quả CHHP còn có thêm điều kiện phải được cơ quan có thẩm quyền điều tra và gửi đề nghị lên cơ quan cấp trên quyết định đặc xá.

Ví dụ: Điều 3, Sắc lệnh số 89 - SL, ngày 26/9/1947 của Chủ tịch Chính phủ quy định "Đối với những người can tội ăn cướp cố ý giết người, bắt giam người trái phép, có ý đốt nhà, làm hoặc lưu hành giấy bạc giả, hối lộ và biển thủ tiền công quỹ mà bị toàn án thường xử trên 12 tháng tù hoặc khổ sai thì ngoài thì ngoài điều kiện đã ngồi tù được quá nửa thời hạn, còn phải được Ủy

ban hành chính tỉnh ở nơi phạm nhân đang bị giam điều tra xem có nên phóng thích hay không. Nếu Ủy ban ấy xét nên phóng thích thì hồ sơ sẽ gửi lên Ủy ban kháng chiến khu nơi đó quyết nghị cho phóng thích và bắt phạm nhân phải quản thúc ở nguyên quán hay ở một nơi khác do Ủy ban kháng chiến khu nơi phạm nhân đang bị giam ấn định trong một thời hạn mà đáng nhẽ phạm nhân còn phải ngồi tù".

2.1.1.3. Trình tự, thủ tục xét đặc xá

Trình tự, thủ tục xét đặc xá trong giai đoạn này thường được quy định cụ thể trong các thông tư liên ngành của VKSNDTC, TANDTC và Bộ Công an hướng dẫn xét đặc xá. Vì thời gian đã lâu, công tác lưu trữ hồ sơ, tài liệu còn nhiều hạn chế, nên từ năm 1945 đến trước năm 1966 không tìm thấy các thông tư hướng dẫn xét đặc xá. Căn cứ vào các thông tư ban hành từ năm 1966 đến năm 1975 và các văn bản đặc xá trong thời gian này có thể nêu khái quát trình tự, thủ tục xét đặc xá như sau:

- Trước tiên, cơ quan có thẩm quyền đặc xá theo quy định của hiến pháp sẽ ban hành văn bản đặc xá, trong đó quy định đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn xét đặc xá.

- Căn cứ vào văn bản đặc xá, VKSNDTC, TANDTC và Bộ Công an sẽ ban hành Thông tư hướng dẫn xét đặc xá để cụ thể hoá đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục tiến hành xét đặc xá.

- Ban giám thị trại cải tạo và trại tạm giam làm đề nghị đặc xá cho phạm nhân (theo mẫu quy định) và gửi về Hội đồng đặc xá các cấp (nếu là trại cải tạo và trại tạm giam thuộc tỉnh, thành phố thì gửi về Hội đồng đặc xá tỉnh, thành phố; nếu là trại cải tạo trực thuộc Bộ Công an thì gửi về Hội đồng đặc xá Trung ương). Trong đề nghị đặc xá cần ghi tóm tắt lý lịch của phạm nhân, các tình tiết của tội trạng đã được kết luận trong bản án và nhận xét thái độ, kết quả cải tạo của từng phạm nhân.

- VKSND, TAND và Sở Công an hoặc Ty Công an tỉnh, thành phố lập Hội đồng đặc xá tỉnh, thành phố, do VKSND chủ trì để xét duyệt và quyết định đặc xá cho các phạm nhân thuộc các trại cải tạo, trại tạm giam trực thuộc địa phương hoặc các phạm nhân hình sự thường, bị án tù 5 năm tù trở xuống và phạm nhân phản cách mạng bị án tù 3 năm trở xuống.

- VKSNDTC, TANDTC và Bộ Công an thành lập Hội đồng đặc xá Trung ương, do VKSNDTC chủ trì để xét duyệt và quyết định đặc xá cho các phạm nhân phạm tội hình sự thường bị kết án trên 5 năm và phạm nhân phản cách mạng bị án tù trên 3 năm hoặc các phạm nhân theo đề nghị của ban giám thị các trại cải tạo trực thuộc Bộ Công an.

- Căn cứ vào biên bản họp xét duyệt đặc xá của Hội đồng đặc xá tỉnh, thành phố, TAND tỉnh, thành phố ký quyết định tha hoặc giảm hạn tù cho phạm nhân. Căn cứ vào biên bản họp xét duyệt đặc xá của Hội đồng đặc xá Trung ương, TANDTC ký quyết định tha hoặc giảm hạn tù cho phạm nhân.

- Các Khu, Sở, Ty Công an và ban giám thị các trại cải tạo, trại tạm giam tổ chức công bố quyết định, giải thích chính sách khoan hồng của Đảng, Nhà nước và tiến hành tha tù, giảm hạn tù cho phạm nhân.

2.1.1.4. Thẩm quyền đặc xá

Từ 1946 đến 1959: theo Điều 49, Điều 6, Hiến pháp năm 1946, Chủ tịch nước có quyền đặc xá. Từ 1959 đến 1980: theo Điều 53, Điều 14, Hiến pháp năm 1959, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có quyền quyết định đặc xá. Tuy nhiên, trong giai đoạn này, cơ quan có quyền đặc xá (theo hiến định) chỉ ban hành văn bản đặc xá. Việc xét duyệt và quyết định đặc xá cho từng người phạm tội bị kết án cụ thể hoàn toàn do Hội đồng đặc xá các cấp và Tòa án quyết định (Hội đồng đặc xá các cấp họp tiến hành xét duyệt đặc xá theo nguyên tắc tập thể nhất trí, sau đó làm biên bản xét duyệt đặc xá; TAND thay mặt Hội đồng đặc xá ký quyết định tha hoặc giảm hạn tù cho phạm nhân).

2.1.2. Thực tiễn công tác đặc xá từ năm 1975 đến 1992

Nghiên cứu thực tiễn công tác đặc xá từ năm 1975 đến năm 1992 có thể rút ra một số đặc điểm cơ bản về: đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn xét đặc xá, trình tự, thủ tục và thẩm quyền xét đặc xá trong giai đoạn này như sau:

2.1.2.1. Đối tượng xét đặc xá

- Ngoài đối tượng là người phạm tội bị kết án còn có đối tượng được tập trung cải tạo (ngụy quân, ngụy quyền Sài Gòn và các đối tượng khác được tập trung cải tạo).

Ví dụ: Lệnh số 63 - LCT, ngày 30/8/1977 của Chủ tịch nước quy định "Tha cho những phạm nhân có án tù đã cải tạo tốt, giảm hạn tù cho những phạm nhân đã thật thà cố gắng sửa chữa và tiếp tục xét tha những người được tập trung cải tạo đã thực sự tiến bộ trong thời gian cải tạo".

- Vì đất nước đã thống nhất nên việc xét đặc xá được mở rộng hơn. Đối tượng đặc xá trong thời gian này thường được quy định chung như sau: những phạm nhân có án tù về tội hình sự thường; những phạm nhân có án tù về tội phạm cách mạng; những người được tập trung cải tạo đã có tiến bộ.

Ví dụ: Phần I, Thông tư số 79/TT-ĐX, ngày 12/9/1977 về việc hướng dẫn thi hành Lệnh đặc xá năm 1977 quy định đối tượng đặc xá như sau: "1- Những phạm nhân có án tù về tội hình sự thường, trừ những tên lưu manh chuyên nghiệp; những tên phạm tội nặng và những tên tái phạm nhiều lần. 2- Những phạm nhân có án tù về tội phản cách mạng, trừ những tên nguy hiểm có nhiều nợ máu; có nhiều tội ác với nhân dân, với cách mạng. Đối với những người được tập trung cải tạo đã thực sự tiến bộ trong thời gian cải tạo thì Hội đồng Chính phủ tiếp tục xét tha".

- Bên cạnh những đối tượng được đặc xá, các văn bản đặc xá thời gian này thường có quy định những đối tượng không được đặc xá hoặc cần phải tiến hành thận trọng, chặt chẽ và có kiểm tra kỹ hơn. Những đối tượng này

thường là bọn phản cách mạng, những tội phạm có tính chất chuyên nghiệp hoặc gây nguy hại lớn cho chính quyền cách mạng hoặc cho nhân dân...

Ví dụ: 1) Phần I, Thông tư số 1176/TT-ĐX, ngày 08/9/1979 về việc hướng dẫn thi hành Lệnh đặc xá năm 1979 quy định những đối tượng không được đặc xá như sau: "... trừ những tên lưu manh chuyên nghiệp; những tên phạm tội nặng và những tên tái phạm nhiều lần... trừ những tên nguy hiểm có nhiều nợ máu; có nhiều tội ác với nhân dân, với cách mạng". 2) Phần I, Thông tư số 01/TTĐX/LB, ngày 18/9/1985 về việc hướng dẫn việc đặc xá phạm nhân trong dịp lễ Quốc khánh 2/9/1985 quy định cần phải xét đặc xá chặt chẽ với một số đối tượng sau: "Riêng đối với những tên phản cách mạng nguy hiểm có nhiều tội ác, những tên lưu manh chuyên nghiệp, côn đồ hung hãn, giết người cướp của, bọn gian thương đầu cơ buôn lậu chuyên nghiệp lớn, bọn tái phạm tội nhiều lần, thì nói chung chỉ xét đặc xá những trường hợp đặc biệt đối với những người đã lập công lớn trong thời gian ở trại, chứng minh đã thực sự cải tạo tốt. Khi xét những người này phải thận trọng, chặt chẽ có kiểm tra kỹ hơn nhằm khuyến khích phạm nhân khác tích cực cải tạo; đồng thời tránh sơ hở để những phần tử nguy hiểm chưa thực sự cải tạo được tha về lại tiếp tục gây nguy hại cho an ninh chính trị, và trật tự xã hội".

2.1.2.2. Điều kiện, tiêu chuẩn xét đặc xá

Tuỳ từng lần đặc xá cụ thể mà điều kiện, tiêu chuẩn xét đặc xá được quy định khác nhau. Nhưng nhìn chung, điều kiện, tiêu chuẩn xét đặc xá giai đoạn này gồm có: điều kiện về thời gian đã CHHP tù, điều kiện về kết quả CHHP tù và các điều kiện khác.

a) Điều kiện về thời gian đã CHHP

Thời gian đã CHHP tù là điều kiện bắt buộc khi tiến hành xét đặc xá trong giai đoạn này và được quy định như sau:

Thứ nhất, đối với trường hợp đặc xá tha tù, điều kiện có thể là: đã CHHP tù ít nhất 1/2 (hoặc 2/5) mức án đối với hình phạt tù có thời hạn; ít nhất là 12 năm (hoặc 10 năm) đối với hình phạt tù chung thân.

Ví dụ: 1) Phần II, điểm 1, Mục b, Thông tư số 10/TT-ĐX, ngày 22/8/1980 hướng dẫn thi hành lệnh đặc xá năm 1980 quy định về thời hạn đã CHHP tù như sau "Đã ở tù ít nhất 1/2 mức án, nếu bị án tù chung thân thì đã ở tù ít nhất được 12 năm". 2) Phần 1, Mục b, Nghị quyết số 5 NQ-HĐNN, ngày 28/8/1981 về việc đặc xá nhân dịp Quốc khánh 2/9/1981 quy định về thời hạn đã CHHP tù như sau "Những phạm nhân có án tù, thì đã ở tù ít nhất được 2/5 mức án; nếu bị án tù chung thân, thì đã ở tù ít nhất được 10 năm".

Thứ hai, đối với trường hợp đặc xá giảm hạn tù, điều kiện có thể là: đã chấp hành được ít nhất 1/5 (hoặc 1/6) thời hạn đối với hình phạt tù có thời hạn và ít nhất là 5 năm (hoặc 4 năm) đối với hình phạt tù chung thân. Mức giảm hạn tù ít nhất là 3 tháng nhiều nhất là 3 năm, tùy theo mức độ cải tạo tiến bộ; nếu bị án tù chung thân thì lần đầu chỉ được giảm xuống 20 năm. Tổng số thời gian xét giảm các lần cộng lại không được quá thời gian đã ở tù.

Ví dụ: 1) Phần 2, Quyết định số 1052-TVQH/K6, ngày 12/8/1980 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ân xá, ân giảm cho phạm nhân, nhân dịp lễ Quốc khánh 2/9/1980 quy định "Giảm thời hạn tù cho những phạm nhân có án tù đã thật thà cố gắng sửa chữa theo đủ các tiêu chuẩn cải tạo nói ở Điều 1, Điểm a trên đây và đã ở tù ít nhất được 1/5 mức án; nếu bị án tù chung thân, thì đã ở tù ít nhất được 5 năm". 2) Phần 2, Nghị quyết số 5 NQ-HĐNN, ngày 28/8/1981 về việc đặc xá nhân dịp Quốc khánh 2/9/1981 quy định "Giảm thời hạn tù cho những phạm nhân có án tù đã thật thà cố gắng sửa chữa theo đủ các tiêu chuẩn cải tạo nói ở Điều 1, Điểm a trên đây và đã ở tù ít nhất được 1/6 mức án; nếu bị án tù chung thân, thì đã ở tù ít nhất được 4 năm".

b) Điều kiện về kết quả CHHP

Kết quả CHHP là điều kiện bắt buộc trong các văn bản đặc xá giai đoạn này và được áp dụng chung cho cả trường hợp đặc xá tha tù và đặc xá giảm hạn tù; việc quyết định đặc xá theo trường hợp nào phụ thuộc hoàn toàn vào thời hạn đã CHHP tù (giai đoạn trước đây kết quả CHHP áp dụng đối với trường hợp đặc xá tha tù và giảm hạn tù có mức độ khác nhau).

Điều kiện về kết quả CHHP giống như giai đoạn trước và được quy định thống nhất như sau: 1) Thành thật ăn năn hối lỗi, quyết tâm cải tạo để trở thành người lương thiện. 2) Tích cực lao động, tích cực học tập, có tác dụng thúc đẩy các phạm nhân khác cải tạo và tiến bộ. (3) Nghiêm chỉnh chấp hành các chế độ, nội quy của trại giam.

c) Điều kiện khác

Trong một số trường hợp xét đặc xá, nếu không đủ điều kiện thời hạn ở tù thì có thể được châm chước nếu người phạm tội thuộc một trong những trường hợp đặc biệt theo quy định của văn bản đặc xá.

Ví dụ: Điểm 3, Nghị quyết số 385 NQ/HĐNN7, ngày 30/8/1983 của Hội đồng Nhà nước quy định "Khi xét tha hoặc giảm hạn tù cho những phạm nhân nói trên, có thể châm chước về điều kiện thời hạn ở tù, nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây: a) Đã lập công trong thời gian ở trại giam. b) Bản thân phạm nhân là thương binh, bệnh binh hoặc có công với cách mạng. c) Có người ruột thịt trong gia đình là liệt sĩ hoặc đã lập thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất hoặc trong chiến đấu. d) Già yếu, bệnh tật. e) Đông con hoặc con còn nhỏ không người trông nom, gia đình gặp nhiều khó khăn trong đời sống".

2.1.2.3. Trình tự, thủ tục xét đặc xá

Trình tự, thủ tục xét đặc xá trong giai đoạn này thường được quy định trong các thông tư liên ngành của VKSNDTC, TANDTC, Bộ Nội vụ (Bộ Công an) và Bộ Tư pháp hướng dẫn xét đặc xá như sau:

a) Thời gian từ năm 1975 đến năm 1980:

Từ năm 1975 đến năm 1980, theo Hiến pháp năm 1959, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có quyền đặc xá. Vì vậy, về cơ bản, trình tự, thủ tục đặc xá trong thời gian này giống với giai đoạn trước.

b) Thời gian từ năm 1980 đến năm 1992:

Theo Điều 100, Điểm 19, Hiến pháp năm 1980, Hội đồng Nhà nước có quyền quyết định đặc xá. Trình tự, thủ tục đặc xá trong thời gian này được quy định như sau:

- Trước tiên Hội đồng Nhà nước ban hành văn bản đặc xá (nghị quyết) trong đó quy định đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn xét đặc xá.

- Căn cứ vào văn bản đặc xá, VKSNDTC, TANDTC và Bộ Nội vụ (Công an) sẽ ban hành Thông tư hướng dẫn xét đặc xá để cụ thể hoá đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục tiến hành xét đặc xá.

- VKSNDTC, TANDTC và Bộ Nội vụ (Bộ Công an) thành lập Hội đồng đặc xá trung ương. VKSND, TAND, Công an các tỉnh, thành phố, đặc khu thành lập Hội đồng đặc xá địa phương. Hội đồng đặc xá Trung ương và Hội đồng đặc xá địa phương đều có quyền xét duyệt và quyết định đặc xá cho phạm nhân.

Riêng lần đặc xá năm 1990, Hội đồng Nhà nước trực tiếp xét và quyết định danh sách những người được đặc xá trên cơ sở đề nghị của Hội đồng tư vấn Trung ương. Cũng chính vì lý do này mà "Hội đồng đặc xá" các cấp trước đây (có quyền xét và quyết định đặc xá) nay được đổi tên là "Hội đồng tư vấn" (chỉ làm chức năng tư vấn, không có quyền xét và quyết định đặc xá).

- Giám thị các trại giam, trại cải tạo làm đề nghị đặc xá cho các phạm nhân đang cải tạo ở trại và gửi lên Hội đồng đặc xá xét duyệt. Đối với phạm nhân có mức tù dưới 10 năm thì đề nghị đặc xá gửi lên Hội đồng đặc xá địa

phương xét và quyết định. Đối với phạm nhân có mức tù từ 10 năm trở lên thì đề nghị đặc xá gửi lên Hội đồng đặc xá Trung ương xét và quyết định.

Riêng lần đặc xá năm 1990, đề nghị đặc xá gửi lên Hội đồng tư vấn cùng cấp. Hội đồng tư vấn cấp tỉnh, thành phố xét duyệt, lập danh sách đối tượng đặc xá gửi lên Hội đồng tư vấn Trung ương. Căn cứ vào đề nghị của Bộ Nội vụ (Bộ Công an) và đề nghị của các Hội đồng tư vấn địa phương, Hội đồng tư vấn Trung ương xét duyệt và lập danh sách những người thuộc đối tượng được đề nghị cho hưởng đặc xá trình Hội đồng Nhà nước quyết định.

- Căn cứ vào biên bản họp xét duyệt đặc xá của Hội đồng đặc xá tỉnh, thành phố, TAND tỉnh, thành phố thay mặt Hội đồng đặc xá ký quyết định tha hoặc giảm hạn tù cho phạm nhân. Căn cứ vào biên bản họp xét duyệt đặc xá của Hội đồng đặc xá Trung ương, TANDTC thay mặt Hội đồng đặc xá ký quyết định tha hoặc giảm hạn tù cho phạm nhân.

Riêng lần đặc xá năm 1990, Hội đồng nhà nước trực tiếp xét duyệt danh sách những người được đặc xá do HĐTVĐX Trung ương trình và ra quyết định tha tù cho phạm nhân.

- Các Khu, Sở, Ty công an và ban giám thị các trại cải tạo, trại tạm giam tổ chức công bố quyết định, giải thích chính sách khoan hồng của Đảng, Nhà nước và tiến hành tha tù, giảm hạn tù cho phạm nhân.

2.1.2.4. Thẩm quyền đặc xá

a) Giai đoạn từ 1975 đến 1980

Theo Hiến pháp năm 1959, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có quyền quyết định đặc xá. Tuy nhiên, trên thực tế Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ ban hành văn bản đặc xá. Việc xét duyệt và quyết định đặc xá đối với người phạm tội bị kết án cụ thể lại hoàn toàn do Hội đồng đặc xá Trung ương và Hội đồng đặc xá địa phương tiến hành, TAND cùng cấp sẽ thay mặt Hội đồng đặc xá ban hành quyết định đặc xá tha tù hoặc giảm hạn tù cho phạm nhân.

b) Giai đoạn từ 1980 đến 1990

Theo Điều 100, Điểm 19 Hiến pháp năm 1980, Hội đồng Nhà nước có quyền quyết định đặc xá. Tuy nhiên, cũng giống như giai đoạn trước, Hội đồng Nhà nước chỉ ban hành văn bản đặc xá, không trực tiếp tham gia xét đặc xá. Việc xét duyệt và quyết định đặc xá đối với người phạm tội bị kết án cụ thể lại hoàn toàn do Hội đồng đặc xá Trung ương và Hội đồng đặc xá địa phương tiến hành, TAND cùng cấp sẽ thay mặt Hội đồng đặc xá ban hành quyết định đặc xá tha tù hoặc giảm hạn tù cho phạm nhân.

c) Từ năm 1990 đến năm 1992

Trong giai đoạn này chỉ có một lần đặc xá năm 1990, Hội đồng Nhà nước vẫn có quyền quyết định đặc xá. Tuy nhiên, công tác đặc xá đã có nhiều thay đổi. Nghị quyết số 269 QĐ/HĐNN8, ngày 6/7/1990 của Hội đồng Nhà nước về đặc xá năm 1990, lần đầu tiên đã có quy định thành lập Hội đồng tư vấn Trung ương và Hội đồng tư vấn địa phương để giúp Hội đồng Nhà nước xét và quyết định đặc xá. Hội đồng Nhà nước không chỉ ban hành văn bản đặc xá mà còn trực tiếp tiến hành xét duyệt và ra quyết định đặc xá tha tù cho phạm nhân. Kể từ năm 1945, đây là lần đầu tiên quyền hiến định về đặc xá được thực hiện "trọn vẹn" - cơ quan có quyền đặc xá theo quy định của hiến pháp cũng là cơ quan trực tiếp xét duyệt và ra quyết định đặc xá tha tù cho phạm nhân.

Trong lần đặc xá này, trường hợp đặc xá giảm hạn tù cũng không được đề cập đến như những lần trước, chỉ quy định duy nhất một trường hợp đó là đặc xá tha tù cho phạm nhân. Nghị quyết số 269 QĐ/HĐNN8, ngày 6/7/1990 của Hội đồng Nhà nước về đặc xá năm 1990 quy định "Cùng với việc đặc xá theo quyết định này, Hội đồng Nhà nước lưu ý TANDTC và các cơ quan hữu quan cần tổ chức thực hiện tốt việc giảm thời hạn CHHP cho phạm nhân theo đúng quy định tại các Điều 49, 50 và 51 của Bộ luật hình sự".

2.1.3. Thực tiễn công tác đặc xá từ năm 1992 đến nay

Công tác đặc xá trong giai đoạn này có nhiều thay đổi so với thời gian trước. Qua thực tiễn công tác xét đặc xá từ năm 1992 đến nay có thể rút ra một số đặc điểm cơ bản về: đối tượng xét đặc xá; điều kiện, tiêu chuẩn xét đặc xá; trình tự, thủ tục và thẩm quyền xét đặc xá như sau:

2.1.3.1. Đối tượng xét đặc xá

- Đối tượng xét đặc xá trong giai đoạn này được quy định tương đối thống nhất trong các lần đặc xá như sau: 1- Người bị kết án phạt tù đang CHHP tù tại các trại giam, trại tạm giam do Bộ Công an và Bộ Quốc phòng quản lý. 2- Người bị kết án phạt tù đang được hoãn CHHP tù. 3- Người bị kết án phạt tù đang được tạm đình chỉ CHHP tù.

- Đối tượng được tập trung cải tạo thuộc diện xét đặc xá trong các giai đoạn trước không còn được quy định là đối tượng đặc xá trong các văn bản đặc xá ở giai đoạn này.

2.1.3.2. Điều kiện, tiêu chuẩn xét đặc xá

Tương ứng với mỗi loại đối tượng xét đặc xá mà điều kiện về thời gian đã CHHP tù, điều kiện về kết quả CHHP tù và các điều kiện khác được quy định cụ thể khác nhau:

a) Đối tượng là người bị kết án phạt tù đang CHHP tù tại các trại giam, trại tạm giam do Bộ Công an và Bộ Quốc phòng quản lý.

- Thời gian đã CHHP tù là điều kiện bắt buộc khi tiến hành xét đặc xá đối với loại đối tượng này và được quy định như sau: đã CHHP tù ít nhất là 1/3 thời hạn đối với hình phạt tù có thời hạn; 10 năm đối với tù chung thân (kể cả phạm nhân án chung thân đã được giảm xuống 20 năm); và trên 12 năm đối với trường hợp án tử hình được ân giảm xuống chung thân. Đối với trường hợp đặc biệt thời gian đã CHHP tù có thể ngắn hơn, nhưng cũng phải đảm bảo đã chấp hành được ít nhất 1/4 thời hạn đối với hình phạt tù có thời

hạn, 8 năm đối với tù chung thân, trên 10 năm đối với trường hợp án tử hình được ân giảm xuống chung thân.

Các trường hợp đặc biệt thường là: người lập công lớn trong quá trình chấp hành án phạt tù; bản thân là thương binh, bệnh binh, người có công với cách mạng; là con đẻ, con nuôi hợp pháp của "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"; có bố, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con đẻ, anh, chị em ruột, bố, mẹ nuôi và con nuôi hợp pháp là liệt sỹ; người quá già yếu là người 70 tuổi trở lên; người đang mắc một trong các bệnh hiểm nghèo nguy hiểm đến tính mạng; người có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn; bản thân là lao động duy nhất trong gia đình mà hiện nay gia đình đang trong cảnh túng thiếu dưới mức hộ nghèo phải trợ cấp thường xuyên; khi phạm tội là người chưa thành niên; những phạm nhân phạm các tội kinh tế đã chấp hành xong hình phạt bổ sung là hình phạt tiền...

Mốc để tính thời gian đã CHHP tù thường được quy định cụ thể trong các văn bản đặc xá và phụ thuộc vào thời gian của đợt đặc xá nhất định (các mốc thời gian thường được quy định là tính đến ngày 2/9, 30/4 hàng năm).

- Kết quả CHHP tù cũng là điều kiện bắt buộc khi xét đặc xá đối với các đối tượng này và thường được quy định thành kết quả chung và kết quả cụ thể. 1) Kết quả chung: chấp hành tốt quy chế, nội quy trại giam tích cực học tập, lao động, cải tạo; trong quá trình chấp hành án, khi được tha tù trước thời hạn không làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và phấn đấu trở thành công dân lương thiện. 2) Kết quả cụ thể: thường là quy định về xếp loại cải tạo đối với phạm nhân. Tùy thuộc vào mức án tù bị phạt, kết quả xếp loại cải tạo được quy định khác nhau, nhưng nhìn chung án tù càng nặng thì điều kiện về xếp loại cải tạo càng cao. Ví dụ: trường hợp án tử hình ân giảm xuống chung thân thì phải có ít nhất 4 năm và 1 quý liên tiếp gần nhất xếp loại cải tạo khá trở lên. Trường hợp phạm nhân bị phạt tù chung

thân, phải có ít nhất 3 năm và 1 quý liên tiếp gần nhất xếp loại cải tạo khá trở lên...

b) Đối tượng là người bị kết án phạt tù đang được hoãn CHHP tù.

Đối với người bị kết án phạt tù đang được hoãn CHHP tù, thì thời gian đã CHHP không phải là điều kiện bắt buộc. Việc xét đặc xá chủ yếu dựa vào các dấu hiệu về nhân thân hoặc các dấu hiệu khác có liên quan.

Các dấu hiệu đó thường là: 1) người lập công giúp cơ quan điều tra phát hiện, truy bắt tội phạm; cứu người trong tình thế hiểm nghèo, cứu tài sản của Nhà nước, tập thể, của công dân trong thiên tai, hoả hoạn. 2) người đang mắc một trong các bệnh hiểm nghèo như: ung thư; lao nặng; bại liệt; xơ gan cổ trướng; nhiễm HIV chuyển giai đoạn AIDS; ốm đau nặng kéo dài phải nằm bệnh viện, bệnh xá, không lao động được, không tự sinh hoạt bình thường cho bản thân, không còn khả năng gây nguy hiểm cho xã hội, có kết luận giám định Y khoa của Hội đồng giám định Y khoa cấp tỉnh hoặc có kết luận giám định bệnh tật của bệnh viện cấp tỉnh trở lên... Những người ở vùng sâu, vùng xa không thể giám định được thì phải có xác nhận tình trạng sức khoẻ của Trung tâm y tế cấp huyện. 3) Người quá già yếu là người 70 tuổi trở lên; người trên 60 tuổi nhưng thường xuyên ốm đau phải điều trị tại bệnh viện, bệnh xá, phải có bản sao Bệnh án của Trung tâm y tế cấp huyện trở lên.

c) Đối tượng là người bị kết án phạt tù đang được tạm đình chỉ CHHP tù.

Đối với người bị kết án phạt tù đang được tạm đình chỉ CHHP tù, thì thời gian đã CHHP không phải là điều kiện bắt buộc. Việc xét đặc xá chủ yếu dựa vào các dấu hiệu về nhân thân hoặc các dấu hiệu khác có liên quan. Các dấu hiệu đó giống với các dấu hiệu được quy định đối với người bị kết án phạt tù đang được hoãn CHHP tù nói trên.

2.1.3.3. Trình tự, thủ tục xét đặc xá

Căn cứ vào các văn bản đặc xá, văn bản hướng dẫn đặc xá trong giai đoạn này, có thể nêu khái quát trình tự, thủ tục xét đặc xá như sau:

- Chủ tịch nước ra quyết định về đặc xá (thường 1 hoặc 2 năm một lần), trong đó quy định về: số lượng và thời gian các đợt đặc xá; đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn xét đặc xá; thành lập HĐTVĐX Trung ương do Phó Thủ tướng thường trực Chính phủ làm Chủ tịch và các thành viên là lãnh đạo của các cơ quan: TANDTC, VKSNDTC, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Ban Nội chính Trung ương, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. HĐTVĐX Trung ương có nhiệm vụ triển khai quyết định của Chủ tịch nước; xét duyệt danh sách người đủ điều kiện, tiêu chuẩn đặc xá trình Chủ tịch nước quyết định.

- Theo hướng dẫn của HĐTVĐX Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập HĐTVĐX địa phương bao gồm: một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm Chủ tịch Hội đồng và các thành viên gồm lãnh đạo các Ban, Ngành: TAND tỉnh, VKSND tỉnh; Sở Tư pháp và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là cơ quan thường trực. Hội đồng cấp tỉnh có nhiệm vụ hướng dẫn, chỉ đạo chính quyền địa phương, trại tạm giam, các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện quyết định đặc xá của Chủ tịch nước và hướng dẫn về đặc xá của HĐTVĐX Trung ương, xét duyệt hồ sơ, danh sách những người thuộc diện đề nghị đặc xá của địa phương trình HĐTVĐX Trung ương xét duyệt.

- Bộ Công an và Bộ Quốc phòng thành lập Ban chỉ đạo công tác đặc xá của Bộ. Ban chỉ đạo đặc xá Bộ Công an, Giám đốc Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo thành lập Hội đồng xét đề nghị đặc xá của các trại giam, trại tạm giam. Ban chỉ đạo đặc xá Bộ Quốc phòng chỉ đạo,

thành lập Hội đồng xét đề nghị đặc xá của các trại giam, trại tạm giam do Bộ Quốc phòng quản lý.

- TAND các cấp lập hồ sơ đề nghị xét đặc xá đối với người đang được hoãn và tạm đình chỉ CHHP tù, trên nguyên tắc Toà án cấp nào ra quyết định hoãn và tạm đình chỉ CHHP tù thì Toà án cấp đó làm thủ tục, lập hồ sơ đề nghị đặc xá. TAND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập hợp hồ sơ, phiếu và danh sách trình HĐTVĐX cấp tỉnh.

- Hội đồng xét đề nghị đặc xá của các trại giam, trại tạm giam (phân trại quản lý phạm nhân trong trại tạm giam) đề nghị đặc xá cho phạm nhân trên cơ sở hồ sơ và danh sách được tập thể đội phạm nhân bình xét, giới thiệu, quản giáo phụ trách đội tổng hợp đề nghị.

- HĐTVĐX cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xét duyệt đề nghị đặc xá cho phạm nhân của phân trại quản lý phạm nhân trong trại tạm giam do Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý và phạm nhân đang được tạm đình chỉ thi hành án và người được hoãn thi hành hình phạt tù được đề nghị xét đặc xá do TAND cùng cấp đề nghị.

- HĐTVĐX Trung ương cử các tổ chuyên viên liên ngành gồm cán bộ của Bộ Công an, TANDTC, VKSNDTC, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trực tiếp đến các địa phương, trại giam, trại tạm giam để kiểm tra và thẩm định toàn bộ hồ sơ đề nghị xét đặc xá của trại giam, trại tạm giam do Bộ Công an và Bộ Quốc phòng quản lý và hồ sơ do TAND các cấp đề nghị đặc xá.

- HĐTVĐX Trung ương xét duyệt, tổng hợp danh sách phạm nhân được đặc xá trình Chủ tịch nước quyết định.

- Trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch HĐTVĐX Trung ương, Chủ tịch nước ra quyết định về đặc xá tha tù trước thời hạn cho các phạm nhân đang CHHP tù và các phạm nhân đang được tạm đình chỉ hoặc hoãn CHHP tù.

- Khi có quyết định của Chủ tịch nước, HĐTVĐX Trung ương tổ chức họp báo quốc tế công bố quyết định của Chủ tịch nước về đặc xá tha tù. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, các trại giam tổ chức lễ công bố quyết định của Chủ tịch nước về đặc xá tha tù cho phạm nhân trong các trại giam và trại tạm giam theo nghi lễ nghiêm trang.

- Các phạm nhân được đặc xá tha tù trước thời hạn phải làm cam kết sau khi được đặc xá sẽ nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, chính sách của Đảng và Nhà nước, những quy định của chính quyền địa phương và cố gắng phấn đấu trở thành công dân tốt; tiếp tục thực hiện hình phạt bổ sung (nếu có). Phạm nhân được đặc xá được cấp "Giấy chứng nhận đặc xá tha tù trước thời hạn".

2.1.3.4. Thẩm quyền đặc xá

Theo hiến pháp, Chủ tịch nước có quyền quyết định đặc xá. Chủ tịch nước ban hành quyết định về đặc xá, thành lập HĐTVĐX Trung ương để triển khai công tác đặc xá và trực tiếp xét duyệt, ra quyết định về đặc xá tha tù cho các phạm nhân đang CHHP tù và các phạm nhân đang được tạm đình chỉ hoặc hoãn CHHP tù.

2.1.4. Kết quả công tác đặc xá trong những năm gần đây

Trong 18 năm (từ năm 1987 đến 2005), có tới 11 năm Nhà nước quyết định đặc xá tha tù cho tổng số 93.779 người bị kết án phạt tù đang CHHP, đang được hoãn CHHP tù hoặc đang được tạm đình chỉ CHHP tù. Trong 11 năm có đặc xá, thì năm ít nhất có 1 đợt đặc xá, năm nhiều nhất có 3 đợt đặc xá (2005). Kết quả cụ thể như sau:

- Năm 1987: Hội đồng Nhà nước tiến hành đặc xá cho 6.448 phạm nhân.
- Năm 1988: Hội đồng Nhà nước tiến hành đặc xá cho 6.556 phạm nhân.
- Năm 1989: Hội đồng Nhà nước tiến hành đặc xá cho 915 phạm nhân.
- Năm 1990: Hội đồng Nhà nước quyết định đặc xá cho 703 phạm nhân.

- Năm 1993: Chủ tịch nước quyết định đặc xá cho 67 phạm nhân.
- Năm 1995: Chủ tịch nước quyết định đặc xá cho 3.303 phạm nhân.
- Năm 1998: Chủ tịch nước quyết định đặc xá cho 5.166 phạm nhân.
- Năm 2000: Chủ tịch nước quyết định đặc xá cho 23.337 phạm nhân.
- Năm 2002: Chủ tịch nước quyết định đặc xá cho 9.302 phạm nhân.
- Năm 2004: Chủ tịch nước quyết định đặc xá cho 8.623 phạm nhân.
- Năm 2005: Chủ tịch nước quyết định đặc xá cho 26.676 phạm nhân.

** Nguồn số liệu tập hợp từ Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung). Đại học Huế. NXB Công an nhân dân. Hà Nội, 2002; qua báo chí và các Quyết định của Chủ tịch nước.*

2.2. THỰC TIỄN CÔNG TÁC XÉT ĐẠI XÁ Ở NƯỚC TA

Qua nghiên cứu thực tiễn, chúng tôi thấy kể từ sau Cách mạng tháng 8/1945 đến nay, Nhà nước mới 2 lần tiến hành đại xá, cụ thể:

2.2.1. Lần đại xá thứ nhất

Ngay sau khi Cách mạng tháng 8/1945 thành công, ngày 20/10/1945, Chủ tịch Chính phủ lâm thời Hồ Chí Minh đã ra Sắc lệnh số 52 - SL xá tội cho một loạt tội phạm bị kết án trước ngày 19/8/1945. "Những người vì chiến đấu cho nền độc lập của nước Việt Nam mà đã bị kết án trước ngày 19 tháng 8 dương lịch năm 1945 như là chính trị phạm hay thường phạm đều được xá tội... Những khinh tội phạm trước ngày 19 tháng 8 năm 1945 mà Toà án đã xử phạt tiền hoặc tù án treo, hoặc cả hai thứ hình phạt đó, đều được xá miễn".

Hậu quả pháp lý của việc đại xá là "Những tội được xá miễn đều coi như không phạm bao giờ; quyền công tố sẽ tiêu huỷ, những chính hình và phụ hình mà Toà án đã tuyên đều bỏ hết. Nhưng những tiền phạt hoặc án phí mà công khổ đã thu của tội nhân rồi thì không hoàn lại nữa. Những của cải đã tịch biên và phát mại rồi cũng không có quyền đòi bồi thường".

Cũng giống như việc xét đặc xá trong thời gian này, Chủ tịch Chính phủ lâm thời chỉ ban hành văn bản đại xá trong đó quy định các loại tội phạm thực hiện trong thời gian nhất định được đại xá và hậu quả pháp lý của việc đại xá. Việc tiến hành xét duyệt và quyết định đại xá đối với các đối tượng được hưởng đại xá được giao cho Bộ trưởng Bộ Nội vụ (Bộ Công an) và Bộ trưởng Bộ Tư pháp thực hiện.

2.2.2. Lần đại xá thứ hai

Sau lần đại xá thứ nhất 9 năm, nhân dịp giải phóng Thủ đô, được sự thoả thuận của Ban Thường trực Quốc hội, sau khi Hội đồng Chính phủ họp, Thủ tướng Chính phủ ban hành Thông tư số 413 - TTg, ngày 9/11/1954 đại xá rộng rãi cho hàng loạt tội phạm (trừ ra một số nhỏ đối tượng nguy hiểm mà nếu thả ra thì sẽ có hại lớn cho trật tự của xã hội và an ninh của nhân dân).

Đối tượng được hưởng đại xá: "Không kể những kẻ đã hợp tác với đối phương trong thời gian chiến tranh đã được Chính phủ quyết định tha hoặc miễn truy tố và cho hưởng quyền tự do dân chủ (Sắc lệnh số 218/SL ngày 1 tháng 10 năm 1954), nói chung, các tội phạm bị các Tòa án truy tố và xét xử từ ngày Cách mạng tháng 8 đến ngày 9 tháng 10 năm 1954 là ngày giải phóng Thủ đô đều được đại xá".

Đối tượng không được đại xá: "1) Bọn nợ máu nhiều đối với nhân dân, đã tra tấn, giết người một cách dã man (như mổ bụng đàn bà có chửa, chặt đầu người, ngấm ngấm thủ tiêu nhiều người lương thiện), nhân dân rất oán ghét. 2) Côn đồ chưa chịu thật sự cải tạo, hiện chưa học được ghê ghi để sinh sống lương thiện. 3) Địa chủ, cường hào, gian ác đã bị dân xử phạt trong các đợt phát động quần chúng giảm tô và cải cách ruộng đất... Phạm nhân bị TAND đặc biệt xét xử thì không được hưởng đặc xá".

Hiệu lực của việc đại xá: "Người đang bị tạm giam mà được đại xá thì được tha ngay. Những người đã mãn hạn tù hoặc được ân xá, ân giảm và được

tha trước đây và những người này đều được hưởng quyền công dân như ứng cử, bầu cử và các quyền tự do dân chủ. Những tiền phạt và án phí đã thu rồi thì không được hoàn lại; những của cải đã bị tịch biên đều không trả lại. Tang vật bị tịch thu và sung công hoặc hoàn lại cho người mất của. Những người đã bị can phạm được đặc xá làm thiệt hại vẫn có quyền đòi bồi thường, những cơ quan có thẩm quyền nên giải quyết bằng cách dàn xếp, tránh đưa ra Toà án xử lại".

Ngoài đối tượng được đại xá kể trên, văn bản đại xá cũng quy định về ân xá và ân giảm cho những đối tượng khác: "Những phạm nhân nào không được ở trong những trường hợp được đại xá kể trên, có thể được ân xá hay ân giảm trong dịp này để họ cố gắng cải tạo. Khi ở trại giam ra, họ không được các quyền lợi như người được đại xá". So sánh với các trường hợp đặc xá trước, có thể coi những đối tượng được ân xá và ân giảm cũng chính là những đối tượng được đặc xá.

Giống như lần đại xá trước, lần đại xá này Thủ tướng Chính phủ chỉ ban hành văn bản đại xá (Thông tư) trong đó quy định các loại tội phạm được thực hiện trong thời gian nhất định được đại xá, hiệu quả của việc đại xá và cách tiến hành đại xá. Trên thực tế, việc tiến hành xét duyệt và quyết định đại xá đối với những người phạm tội được giao cho Bộ Nội vụ (Bộ Công an) và Bộ Tư pháp thực hiện.

2.3. MỘT SỐ ĐÁNH GIÁ VỀ CÔNG TÁC ĐẶC XÁ VÀ ĐẠI XÁ

Thứ nhất, Đặc xá, đại xá là những chế định PLHS có ý nghĩa chính trị - xã hội - pháp lý đặc biệt, được Nhà nước công bố đối với người phạm tội nhân dịp diễn ra những sự kiện quan trọng của đất nước. Đặc xá, đại xá thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng, Nhà nước và truyền thống nhân đạo của dân tộc đối với người phạm tội; giáo dục, khuyến khích phạm nhân hối cải, tích cực học tập, cải tạo trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội.

Đặc xá, đại xá có tác động tích cực đến bản thân, gia đình người phạm tội và toàn xã hội, đồng thời thu hút sự quan tâm của dư luận quốc tế, góp phần tích cực vào việc đấu tranh với những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động chống phá Nhà nước ta dưới chiêu bài tự do tôn giáo và nhân quyền; trong những năm gần đây, đặc xá còn có ý nghĩa kinh tế, giúp thu lại tài sản của Nhà nước và nhân dân.

Thứ hai, từ năm 1945 đến nay, Nhà nước ta đã 2 lần quyết định đại xá cho người phạm tội và khoảng 35 lần quyết định đặc xá tha tù (trong đó nhiều lần đặc xá có cả giảm hạn tù) cho người phạm tội bị kết án. Tuy nhiên, tùy thuộc vào từng giai đoạn, từng lần đặc xá, đại xá cụ thể mà thẩm quyền, đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục tiến hành đặc xá, đại xá được quy định khác nhau. Từ năm 1998 đến nay, đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục đặc xá được quy định tương đối thống nhất.

Thứ ba, những năm gần đây, đẩy mạnh thực hiện chính sách khoan hồng của Đảng, Nhà nước đối với người phạm tội, số đợt xét đặc xá có xu hướng tăng lên. Từ năm 2000 đến hết năm 2005 có tới 8 đợt đặc xá tha tù trước thời hạn cho phạm nhân, trong đó từ tháng 9/2004 đến 9/2005 đã có 4 đợt đặc xá. Việc xét đặc xá có liên quan đến nhiều cơ quan, nhiều cấp và tất cả các địa phương trong cả nước; công việc cần thực hiện rất nhiều, phức tạp và nhạy cảm. Mỗi đợt xét đặc xá tiến hành trong thời gian rất ngắn. Bên cạnh đó, dư luận trong nước và quốc tế ngày càng quan tâm nhiều hơn đến công tác này.

Thứ tư, tuy các quy định về xét đặc xá đã tương đối thống nhất, nhưng mỗi quyết định đặc xá của Chủ tịch nước lại có một hoặc một số văn bản hướng dẫn áp dụng cho một hoặc một số đợt đặc xá cụ thể (Quyết định số 478/2004/QĐ/CTN, ngày 28/7/2004 của Chủ tịch nước về đặc xá năm 2004 - 2005 có hai văn bản hướng dẫn: Hướng dẫn số 01/HĐĐX áp dụng cho đợt đặc xá ngày 2/9/2004, Hướng dẫn số 02/HĐĐX áp dụng cho các đợt đặc xá

tháng 2/2005, tháng 5/2005 và ngày 2/9/2005). Việc triển khai học tập, quán triệt Hướng dẫn của HĐTVĐX Trung ương cho những người trực tiếp tham gia công tác xét đặc xá chỉ được tiến hành sau khi Hướng dẫn được ban hành. Như vậy, ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến tiến độ công tác đặc xá.

Thứ năm, các đợt đặc xá được chỉ đạo và tổ chức thực hiện có bài bản, chặt chẽ từ Trung ương đến các địa phương; đảm bảo được tiến hành nghiêm minh, chặt chẽ, công khai, dân chủ, thận trọng và công bằng, đúng đối tượng và các tiêu chuẩn đã quy định, các phạm nhân có đủ điều kiện, tiêu chuẩn đều được xem xét đặc xá. Kết quả đặc xá được nhân dân trong nước đồng tình ủng hộ và được dư luận thế giới hoan nghênh. Số phạm nhân được đặc xá tha tù thay đổi theo các năm, có năm ít, có năm nhiều, nhưng nhìn chung tình hình an ninh chính trị tại các địa phương trong cả nước vẫn ổn định và không có các vấn đề phức tạp phát sinh sau đặc xá. Chính quyền địa phương đã phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể và gia đình tích cực giúp đỡ, hỗ trợ người được đặc xá sớm ổn định cuộc sống, hoà nhập với cộng đồng.

2.4. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT VỀ ĐẶC XÁ VÀ ĐẠI XÁ TRONG THỜI GIAN TỚI

2.4.1. Hoàn thiện quy định về đặc xá, đại xá trong Bộ luật Hình sự

2.4.1.1. Yêu cầu ghi nhận đặc xá và đại xá với tính chất là hai chế định độc lập trong Phần chung Bộ luật Hình sự

Theo chúng tôi, MHLL của chế định đặc xá và chế định đại xá cần được điều chỉnh bằng các quy phạm tại hai điều luật tương ứng trong Phần chung Bộ luật Hình sự vì những lý do sau:

Thứ nhất, trong lần pháp điển hoá luật hình sự năm 1999, TSKH. PGS Lê Cẩm đã có những kiến giải lập pháp rất xác đáng về việc quy định cụ thể hai chế định này tại hai điều luật tương ứng trong Phần chung Bộ luật Hình sự nhưng chưa được các nhà làm luật tiếp thu và ghi nhận trong luật hình sự.

Thứ hai, bằng các quy định tại Điều 25 và Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 1999, lần đầu tiên ghi nhận đại xá với tính chất là một dạng (trường hợp) của miễn TNHS và một dạng (trường hợp) của miễn CHHP; đặc xá với tính chất là một dạng (trường hợp) của miễn CHHP, nhà làm luật đã chính thức thừa nhận đặc xá, đại xá là hai chế định pháp lý độc lập của PLHS Việt Nam.

Thứ ba, về bản chất pháp lý thì đặc xá, đại xá là hai chế định nhân đạo của PLHS Việt Nam, được thể hiện bằng việc áp dụng một trong số các biện pháp tha miễn nhất định được PLHS quy định. Chính vì thế, hai chế định này cần được ghi nhận tại phần "Các biện pháp tha miễn" trong Phần chung Bộ luật Hình sự.

Thứ tư, việc quy định đặc xá, đại xá tại hai điều luật tương ứng trong Phần chung của Bộ luật Hình sự có ý nghĩa tạo ra nhận thức thống nhất về hai chế định này, vì hiện nay, khi bàn về hai chế định này còn có rất nhiều quan điểm khác nhau.

2.4.1.2. Mô hình lý luận của chế định đặc xá và chế định đại xá

Từ những nghiên cứu về lý luận và thực tiễn công tác đặc xá, đại xá từ năm 1945 đến nay, sau khi tham khảo mô hình lý luận của chế định đặc xá và chế định đại xá của TSKH. PGS Lê Cẩm, chúng tôi đưa ra mô hình lý luận của chế định đặc xá và chế định đại xá như sau:

Chương (Phần)...

CÁC BIỆN PHÁP THA MIỄN

Điều... Đại xá

1. Đại xá do Quốc hội quyết định đối với hàng loạt người phạm tội nhất định nào đó nhân sự kiện lịch sử đặc biệt quan trọng của đất nước.

2. Bằng văn bản đại xá người phạm tội có thể được miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm nhẹ hình phạt, miễn việc chấp hành hình phạt, giảm thời hạn chấp hành hình phạt hoặc xoá án tích.

Điều... Đặc xá

1. Đặc xá do Chủ tịch nước quyết định đối với riêng một người bị kết án cụ thể nhân dịp kỷ niệm những ngày lễ lớn hàng năm hay có các sự kiện đặc biệt khác của đất nước hoặc theo đơn xin ân giảm của người bị kết án, của thân nhân hay của người đại diện cho người đó.

2. Bằng văn bản đặc xá người bị kết án có thể được giảm nhẹ hình phạt, miễn việc chấp hành hình phạt, giảm thời hạn chấp hành hình phạt hoặc xoá án tích sau khi đã chấp hành xong hình phạt và các quyết định khác của Tòa án.

2.4.2. Xây dựng Luật đại xá và đặc xá

2.4.2.1. Yêu cầu của việc xây dựng Luật đại xá và đặc xá

Ngày 6/12/2002, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 12/2002/QH11 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội nhiệm kỳ khóa XI (2002 - 2007) trong đó có nhiệm vụ xây dựng Luật đặc xá. Ngày 06/3/2003, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 35/2003/QĐ-TTg giao nhiệm vụ cho Bộ Công an chủ trì, phối với các cơ quan Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng, Bộ Xây dựng, Văn phòng Chủ tịch nước, TANDTC, VKSNDTC, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam soạn thảo dự án Luật đặc xá. Hiện nay, Bộ Công an đang tích cực xây dựng dự thảo lần đầu của Luật đặc xá.

Theo chúng tôi, bên cạnh việc ghi nhận đặc xá và đại xá với tính chất là hai chế định độc lập tại hai điều luật tương ứng trong phần "Các biện pháp tha miễn" thuộc Phần chung của Bộ luật Hình sự, thì cần phải xây dựng Luật đại xá và đặc xá vì những lý do sau đây:

Thứ nhất, đặc xá, đại xá là chế định pháp luật hình sự, có ý nghĩa chính trị - xã hội - pháp lý đặc biệt, thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước và truyền thống nhân đạo của dân tộc đối với người phạm tội. Nhưng cho đến

nay, công tác đại xá và đặc xá vẫn chưa được chính thức điều chỉnh bởi một văn bản luật có tính ổn định và giá trị pháp lý cao.

Thứ hai, từ năm 1945 đến nay, Nhà nước ta đã nhiều lần quyết định đặc xá cho người phạm tội bị kết án. Các quy định về đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục tiến hành đặc xá có nhiều thay đổi. Từ năm 1992 đến nay, các quy định liên quan đến đặc xá tương đối thống nhất. Đây là điều kiện tốt để chúng ta ban hành luật (vì tính ổn định của công tác đặc xá đã tương đối cao), đồng thời ban hành luật cũng tránh được những sự thay đổi không cần thiết trong quy định về đặc xá.

Thứ ba, đặc xá được tiến hành trong thời gian rất ngắn, công việc lại rất nhiều, phức tạp và nhạy cảm, liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp, nhiều địa phương trong cả nước. Mỗi lần đặc xá lại có một hoặc một số văn bản hướng dẫn riêng. Sau khi có văn bản hướng dẫn, mới tổ chức học tập, quán triệt và triển khai công tác đặc xá. Như vậy, ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến tiến độ công tác đặc xá. Ban hành luật đại xá, đặc xá và các văn bản hướng dẫn luật sẽ tạo ra được hệ thống quy phạm thống nhất, ổn định, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các cơ quan chức năng có liên quan trong việc triển khai nhiệm vụ.

Thứ tư, xây dựng Luật đại xá và đặc xá sẽ góp phần thể hiện rõ hơn nữa chính sách khoan hồng đặc biệt của Đảng, Nhà nước ta đối với người phạm tội. Xây dựng luật trong đó quy định rõ đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn và trình tự thủ tục đại xá, đặc xá sẽ góp phần đấu tranh chống lại các luận điệu vu cáo, xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động trong và ngoài nước âm mưu chia rẽ và làm suy yếu sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chống phá Nhà nước ta dưới chiêu bài tự do tôn giáo và nhân quyền.

Thứ năm, xây dựng Luật đại xá và đặc xá sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho người phạm tội bị kết án, gia đình và xã hội hiểu và nắm rõ hơn các điều kiện, tiêu chuẩn để có thể được hưởng đặc xá; động viên họ tích cực học tập, lao

động cải tạo để trở thành người tốt, biết tuân thủ pháp luật và sống có ích cho bản thân, gia đình và xã hội. Đồng thời xây dựng Luật đại xá và đặc xá cũng phù hợp với chủ trương, chiến lược đẩy mạnh cải cách tư pháp trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

2.4.2.2. Tên gọi Luật đại xá và đặc xá

Tên gọi "Luật đại xá và đặc xá" hay "Luật đặc xá" có liên quan trực tiếp đến phạm vi điều chỉnh của luật. Xây dựng luật điều chỉnh riêng công tác đặc xá hay điều chỉnh chung cả đại xá và đặc xá.

Có quan điểm cho rằng, đại xá là quyền hiến định của Quốc hội và diễn ra không thường xuyên (từ năm 1945 đến nay, Nhà nước ta mới 2 lần đại xá). Việc xác định loại hành vi phạm tội được đại xá và thời điểm tiến hành đại xá cần phải căn cứ vào tình hình chính trị, kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng và đối ngoại cụ thể của đất nước khi quyết định đại xá. Trên thực tế, chúng ta cũng không biết bao giờ Quốc hội sẽ quyết định đại xá và đại xá cho những hành vi phạm tội nào. Nếu có quy định đại xá trong luật thì cũng không biết đến khi nào mới áp dụng những quy định đó. Vì vậy, chỉ nên xây dựng luật quy định về đặc xá và tên gọi cũng chỉ ngắn gọn là "Luật đặc xá".

Tuy nhiên, theo quan điểm của chúng tôi nên dùng tên gọi là "Luật đại xá và đặc xá" vì những lý do sau:

Thứ nhất, đại xá và đặc xá là hai chế định pháp lý liên kết, luôn đi liền với nhau, thể hiện truyền thống nhân đạo của dân tộc, chính sách khoan hồng của Đảng, Nhà nước ta đối với người phạm tội. Vì vậy, xây dựng Luật đặc xá thì trong đó cần thiết phải điều chỉnh cả đại xá.

Thứ hai, mặc dù việc quy định đại xá trong luật như thế nào cho hợp lý, không hời hợt, cũng không cứng nhắc chi tiết quá là rất khó, nhưng vẫn có thể thực hiện được. Theo chúng tôi, những vấn đề liên quan đến đại xá cần quy

định cụ thể trong luật là: thẩm quyền, đối tượng, hậu quả pháp lý, trình tự, thủ tục đại xá.

Thứ ba, thực tiễn lập pháp cho thấy, ngoại trừ những văn bản đại xá, văn bản đặc xá của cơ quan có thẩm quyền ban hành làm căn cứ cho việc xem xét đại xá, đặc xá trong thời gian cụ thể; còn lại, chế định đại xá và chế định đặc xá luôn được quy định trong cùng một văn bản pháp luật. Ví dụ: Hiến pháp năm 1992 quy định Quốc hội có quyền quyết định đại xá, Chủ tịch nước có quyền quyết định đặc xá. Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định đại xá với tính chất là một trường hợp của miễn TNHS và một trường hợp của miễn CHHP, đặc xá với tính chất là một trường hợp của miễn CHHP.

2.4.2.3. Các nội dung cơ bản của Luật đại xá và đặc xá

a) Phạm vi điều chỉnh

Trước khi xác định phạm vi điều chỉnh của luật đại xá và đặc xá, theo chúng tôi có một số vấn đề cần lưu ý như sau:

Thứ nhất, không nên quy định (hay nói đúng hơn là không thể quy định) điều kiện, tiêu chuẩn và thời gian đại xá trong luật vì: đại xá không áp dụng đối với một người phạm tội cụ thể mà áp dụng đối với hàng loạt người phạm tội nhất định nào đó; đại xá không đặt ra các tiêu chí cụ thể về thời hạn đã CHHP, kết quả giáo dục, đạo đức của người phạm tội... mà chỉ xem xét đến hành vi phạm tội và thời điểm thực hiện hành vi phạm tội; hơn nữa, việc quyết định loại tội phạm nào (những hành vi phạm tội nào) được đại xá lại phụ thuộc vào điều kiện thực tiễn của đất nước khi quyết định đại xá.

Thứ hai, thực tiễn công tác đặc xá từ Cách mạng tháng 8/1945 đến nay cho thấy đặc xá có thể được thể hiện dưới hai trường hợp: 1) đặc xá tha hoặc giảm hạn tù, 2) xét đơn xin ân giảm án tử hình. Tuy nhiên, xét đơn xin ân giảm án tử hình là một thủ tục đặc biệt ngoài Toà án và không có những quy định ràng buộc cụ thể. Quyền ân giảm án tử hình hay bác đơn xin ân giảm án

tử hình là quyền năng tối cao có tính lịch sử của nguyên thủ quốc gia và không thể điều chỉnh và trên thực tế cũng chưa bao giờ được điều chỉnh bằng các quy phạm pháp luật (chỉ có những quy định về thủ tục gửi đơn xin ân giảm án tử hình và hậu quả pháp lý của việc quyết định ân giảm án tử hình hay bác đơn xin ân giảm án tử hình). Bên cạnh đó, từ năm 1990 trở lại đây, hình thức đặc xá giảm hạn tù không còn được quy định trong các văn bản đặc xá. Trên thực tế, việc giảm hạn tù (giảm thời hạn CHHP tù) chỉ do Toà án quyết định. Như vậy, về thực chất, nội dung đặc xá được quy định trong luật chỉ liên quan đến trường hợp đặc xá tha tù.

Thứ ba, đối với điều kiện, tiêu chuẩn đặc xá, thì cần quy định ở mức tối thiểu, có nghĩa là một người bị kết án cụ thể thuộc đối tượng đặc xá phải đáp ứng những điều kiện, tiêu chuẩn tối thiểu mà luật quy định thì mới có thể được hưởng đặc xá. Quy định tối thiểu này nhằm đảm bảo về cơ bản đối tượng sau khi được đặc xá sẽ không gây nguy hại đến an ninh quốc gia, trật tự - an toàn xã hội và đời sống của nhân dân. Trong những lần Chủ tịch nước quyết định đặc xá, điều kiện tối thiểu này có thể được giữ nguyên hoặc thay thế bằng những điều kiện khác cao hơn, tùy thuộc vào điều kiện thực tiễn đất nước khi tiến hành đặc xá.

Thứ tư, Luật đại xá và đặc xá chỉ quy định những vấn đề chung về: hồ sơ, trình tự, thủ tục đại xá, đặc xá. Những vấn đề cụ thể, chi tiết liên quan đến quy trình, nghiệp vụ đặc xá do Chính phủ và Bộ Công an quy định. Luật đại xá và đặc xá cũng nên có quy định về khen thưởng, kỷ luật để kịp thời động viên đội ngũ cán bộ, chiến sỹ và những người trực tiếp làm nhiệm vụ liên quan đến đặc xá, đại xá; đồng thời ngăn chặn không để cho hiện tượng tiêu cực trong đặc xá có thể xảy ra.

Từ lập luận trên, theo chúng tôi, phạm vi điều chỉnh của Luật đại xá và đặc xá nên xác định như sau:

- Đối với chế định đại xá: quy định các vấn đề liên quan đến nguyên tắc, đối tượng, thẩm quyền và trình tự, thủ tục đại xá (khái quát).

- Đối với chế định đặc xá: quy định các vấn đề liên quan đến nguyên tắc, đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn (mức tối thiểu), thẩm quyền và trình tự, thủ tục đặc xá (khái quát).

b) Đối tượng điều chỉnh

- Đối với chế định đại xá: đối tượng đại xá là một loạt người phạm tội nhất định nào đó, có thể đã bị kết án, có thể chưa, có thể đã chấp hành xong bản án (chưa hết án tích hoặc chưa được xoá án tích) có thể đang CHHP. Đối tượng đại xá có thể là người Việt Nam, người nước ngoài vi phạm PLHS Việt Nam và bị Toà án có thẩm quyền tại Việt Nam kết án.

- Đối với chế định đặc xá: thực tiễn công tác đặc xá những năm gần đây cho thấy, đối tượng xét đặc xá là: 1) người bị kết án phạt tù đang CHHP tù; 2) người phạm tội bị kết án phạt tù đang được hoãn CHHP tù; 3) người bị kết án phạt tù đang được tạm đình chỉ CHHP tù; 4) trường hợp người phạm tội bị kết án tử hình được ân giảm xuống chung thân).

Tuy nhiên, xuất phát từ lý luận về đặc xá chúng tôi thấy có thể mở rộng đặc xá cho những đối tượng sau: 1) người phạm tội bị kết án cải tạo không giam giữ; 2) người bị kết án phạt tù đã chấp hành xong bản án (chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung và các quyết định khác của Toà án) mà chưa được xoá án tích; 3) người phạm tội bị phạt tù nhưng được hưởng án treo vì những lý do sau đây:

Thứ nhất, về mặt lý luận thì việc áp dụng chế định đặc xá không giới hạn loại hình phạt mà Toà án đã tuyên trong bản án có hiệu lực của pháp luật. Có nghĩa là đặc xá có thể được áp dụng đối với ba loại đối tượng nêu trên. Hơn nữa, ba biện pháp tha miễn là miễn CHHP, giảm thời hạn CHHP và xoá

án tích với tính chất là hậu quả pháp lý của việc đặc xá có thể áp dụng được đối với ba loại đối tượng nêu trên.

Thứ hai, người bị kết án cải tạo không giam giữ, người bị phạt tù nhưng được hưởng án treo nếu so với người bị kết án phạt tù khác (không được hưởng án treo) thường phạm tội nhẹ và ít nguy hiểm hơn. Như vậy, họ xứng đáng được hưởng đặc xá hơn những người bị kết án phạt tù đang CHHP tù, đang được hoãn hoặc tạm đình chỉ CHHP tù. Đối với người bị kết án phạt tù đã chấp hành xong bản án mà chưa được xoá án tích thì cần thiết phải cho họ hưởng đặc xá (xoá án tích) như những người bị kết án khác để động viên họ tuân thủ pháp luật, không tiếp tục phạm tội mới.

Thứ ba, mặc dù trên thực tế những người này có thể được Toà án áp dụng một trong các biện pháp tha miễn như: miễn CHHP, giảm thời hạn CHHP và xoá án tích, nhưng vẫn cần thiết cho họ được hưởng đặc xá với tính chất là một "đặc ân" của Nhà nước, mà cụ thể là của Chủ tịch nước, đảm bảo quyền lợi cho họ và góp phần khẳng định rõ thêm chính sách khoan hồng của Nhà nước ta trong thời kỳ xây dựng Nhà nước pháp quyền và đẩy mạnh cải cách tư pháp.

Tóm lại, theo chúng tôi, Luật đại xá và đặc xá không nên quy định cụ thể đối tượng đặc xá là: người bị kết án phạt tù đang CHHP tù, đang được hoãn hoặc tạm đình chỉ CHHP và trường hợp tử hình được ân giảm xuống chung thân. Đối tượng đặc xá nên quy định chung là người phạm tội bị kết án. Tùy thuộc vào tình hình thực tiễn khi tiến hành đặc xá, Chủ tịch nước sẽ quyết định đối tượng nào được hưởng đặc xá.

c) Nguyên tắc điều chỉnh

Theo chúng tôi, việc tiến hành đại xá và đặc xá phải đảm bảo các nguyên tắc: công khai, dân chủ, công bằng và nghiêm minh để đảm bảo việc xét đặc

xá được tiến hành đúng đối tượng và các tiêu chuẩn quy định; tất cả các phạm nhân có đủ điều kiện, tiêu chuẩn đều được xem xét đặc xá.

d) Điều kiện, tiêu chuẩn xét đặc xá

- Điều kiện về thời gian đã CHHP nên giữ nguyên quy định như hiện nay là: đã chấp hành ít nhất 1/3 thời hạn đối với hình phạt có thời hạn; 10 năm đối với tù chung thân (kể cả hình phạt tù chung thân đã được giảm xuống 20 năm); và trên 12 năm đối với trường hợp án tử hình được ân giảm xuống chung thân.

Trong trường hợp đặc biệt (người lập công lớn trong quá trình chấp hành án phạt tù; bản thân là thương binh, bệnh binh, người có công với cách mạng; người quá già yếu là người 70 tuổi trở lên; người đang mắc một trong các bệnh hiểm nghèo nguy hiểm đến tính mạng; những phạm nhân phạm các tội kinh tế đã chấp hành xong hình phạt bổ sung là hình phạt tiền...) thời hạn đã CHHP có thể ngắn hơn, nhưng ít tối thiểu phải đủ 1/4 thời hạn đối với hình phạt có thời hạn, 8 năm đối với tù chung thân và 10 năm đối với trường hợp án tử hình được ân giảm xuống chung thân.

- Điều kiện về kết quả CHHP nên giữ nguyên quy định về kết quả chung là: chấp hành tốt quy chế, nội quy trại giam tích cực học tập, lao động, cải tạo; trong quá trình chấp hành án, khi được tha tù trước thời hạn không làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và phấn đấu trở thành công dân lương thiện. Kết quả cụ thể về xếp loại cải tạo thì căn cứ vào hình phạt mà quy định.

e) Thẩm quyền quyết định đại xá, đặc xá

- Đại xá do Quốc hội quyết định.

- Đặc xá do Chủ tịch nước quyết định.

f) Trình tự, thủ tục tiến hành đặc xá

Hồ sơ xét đặc xá gồm:

- Phiếu xét đặc xá của phạm nhân;
- Bản cam kết của phạm nhân;
- Các loại giấy chứng nhận người xét đặc xá có tình tiết đặc biệt;
- Hồ sơ, danh sách, thống kê của phạm nhân xét đề nghị đặc xá.

Trình tự, thủ tục xét đặc xá:

- HĐTVĐX cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xét duyệt đề nghị đặc xá cho phạm nhân của phân trại quản lý phạm nhân trong trại tạm giam do Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý và các đối tượng khác tại địa phương do TAND cùng cấp đề nghị.

- HĐTVĐX Trung ương cử các tổ chuyên viên liên ngành trực tiếp kiểm tra và thẩm định toàn bộ hồ sơ đề nghị xét đặc xá của trại giam, trại tạm giam do Bộ Công an và Bộ Quốc phòng quản lý.

- HĐTVĐX Trung ương xét duyệt, tổng hợp danh sách phạm nhân được đặc xá trình Chủ tịch nước quyết định.

- Cơ quan có thẩm quyền tổ chức lễ công bố quyết định của Chủ tịch nước về đặc xá tha tù cho người bị kết án theo nghi lễ nghiêm trang. Người bị kết án được đặc xá thì được cấp giấy chứng nhận đặc xá.

KẾT LUẬN

1. Trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh cải cách tư pháp và xu thế hội nhập quốc tế ngày càng sâu và rộng, việc nghiên cứu đặc xá và đại xá với tư cách hai chế định pháp lý độc lập trong phần "Các biện pháp tha miễn" trong Phần chung của Bộ luật Hình sự là hết sức cần thiết trên cả phương diện lý luận và thực tiễn.

2. Nghiên cứu lý luận và thực tiễn công tác đặc xá, đại xá từ Cách mạng tháng 8/1945 đến nay giúp chúng ta có được nhận thức thống nhất về đặc xá và đại xá, nhất là, trong hoàn cảnh Luật đặc xá đã được các cơ quan có thẩm quyền bắt tay vào dự thảo, nhưng giữa các nhà nghiên cứu, các nhà lập pháp và những người thực thi pháp luật vẫn chưa có nhận thức thống nhất về chế định đặc xá, chế định đại xá.

3. Nghiên cứu giúp làm rõ khái niệm, đặc điểm cơ bản và bản chất pháp lý của chế định đặc xá, chế định đại xá dưới góc độ PLHS, mà cụ thể đã chứng minh đặc xá là chế định pháp lý hình sự, đại xá là chế định pháp lý hình sự và TTHS; phân biệt chế định đặc xá với chế định đại xá; phân biệt chế định đặc xá, chế định đại xá với một số chế định liền kề khác trong PLHS như miễn TNHS, miễn hình phạt, miễn CHHP, giảm mức hình phạt đã tuyên và án tích.

4. Nghiên cứu đặc xá, đại xá giúp xây dựng mô hình lý luận và đưa ra những kiến nghị góp phần hoàn thiện chế định đặc xá, chế định đại xá trong PLHS Việt Nam hiện hành. Cụ thể là việc ghi nhận chế định đặc xá, chế định đại xá với tính chất là hai chế định pháp lý độc lập trong Phần "Các biện pháp tha miễn" trong Phần chung của Bộ luật Hình sự Việt Nam và đề xuất một số vấn đề liên quan đến nội dung cơ bản của Luật đại xá và đặc xá.

5. Cuối cùng, nghiên cứu giúp làm rõ thêm chính sách khoan hồng của Đảng, Nhà nước và truyền thống nhân đạo của dân tộc đối với người phạm tội nói chung cũng như người phạm tội bị kết án nói riêng; góp phần áp dụng đúng và chính xác chế định đặc xá và chế định đại xá trong thực tiễn; củng cố niềm tin của nhân dân vào tính nghiêm minh và công bằng của pháp luật trong nhà nước pháp quyền; đấu tranh chống lại các luận điệu xuyên tạc, vu khống của các thế lực phản động, thù địch âm mưu chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chống phá Nhà nước và nhân dân ta.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Bộ luật Hình sự nước Cộng hoà XHCN Việt Nam năm 1985.
2. Bộ luật Hình sự nước Cộng hoà XHCN Việt Nam năm 1999.
3. Bộ luật Tố tụng hình sự nước Cộng hoà XHCN Việt Nam năm 1988.
4. Bộ luật Tố tụng hình sự nước Cộng hoà XHCN Việt Nam năm 2003.
5. Lê Cẩm. *Bản chất pháp lý của các khái niệm: miễn trách nhiệm hình sự, truy cứu trách nhiệm hình sự, không phải chịu trách nhiệm hình sự và loại trừ trách nhiệm hình sự*. Tạp chí Kiểm sát số 01/2002.
6. Lê Cẩm. *Các nghiên cứu chuyên khảo về Phần chung Luật hình sự (Tập III)*. NXB Công an nhân dân năm. Hà Nội, 2000.
7. Lê Cẩm. *Chế định án tích và mô hình lý luận của nó trong luật hình sự Việt Nam năm 1999*. Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 2/2005.
8. Lê Cẩm. *Chế định đặc xá, chế định đại xá và mô hình lý luận của chúng trong luật hình sự Việt Nam*. Tạp chí Tòa án nhân dân, số 5 - 3/2005.
9. Lê Cẩm. *Chế định miễn hình phạt và các chế định về chấp hành hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*. Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 4/2002.
10. Lê Cẩm. *Chế định trách nhiệm hình sự trong Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1999*. Tạp chí Dân chủ và pháp luật, số 4/2000.
11. Lê Cẩm (Chủ biên), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*. NXB Đại học Quốc gia. Hà Nội, 2003.
12. Lê Cẩm. *Hình phạt và các biện pháp tư pháp trong luật hình sự Việt Nam*. Tạp chí Dân chủ và pháp luật, số 8/2000.
13. Lê Cẩm. *Khái niệm, các đặc điểm, phân loại và bản chất pháp lý của các biện pháp tha miễn trong luật hình sự Việt Nam*. Tạp chí Khoa học pháp lý, số 3/2001.

14. Lê Cẩm. *Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung)*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005.
15. Lê Cẩm. *Tội phạm hoá và phi tội phạm hoá: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*. Tạp chí Tòa án nhân dân, số 5/2000.
16. Lê Cẩm. *Về các dạng miễn trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 25 Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1999*. Tạp chí Tòa án nhân dân, số 1/2001.
17. Lê Cẩm. *Về hệ thống các điều khoản trong bốn chương đầu tiên của Dự thảo biên soạn mới Bộ luật hình sự (Phần chung)*. Tạp chí Tòa án nhân dân, các số 6 & 7/1998.
18. Lê Cẩm. *Về sáu dạng miễn trách nhiệm hình sự khác (ngoài Điều 25) trong Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1999*. Tạp chí Dân chủ và pháp luật, số 2/2001.
19. Lê Cẩm & Trịnh Tiến Việt. *Phân biệt miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt*. Tạp chí Khoa học pháp lý, số 2/2004.
20. Đỗ Văn Chính. *Giảm, miễn chấp hành hình phạt tù - những thiếu sót cần khắc phục*. Tạp chí Tòa án nhân dân, 5/1998.
21. Nguyễn Ngọc Chí. *Chế định miễn trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam*. Tạp chí Khoa học (KHXH), số 4/1997.
22. Nguyễn Ngọc Chí. *Về chế định loại trừ trách nhiệm hình sự*. Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 4/1999.
23. Đại Việt sử ký toàn thư. NXB Khoa học Xã hội. Hà Nội, 1993.
24. Đặc xá đợt tháng 5/2005: Phạm Sĩ Chiến, Nguyễn Mạnh Trung được đặc xá. Báo Sài Gòn giải phóng điện tử. Cập nhật ngày 28/4/2005.
25. Trần Văn Độ. *Một số vấn đề về hình phạt cải tạo không giam giữ*. Tạp chí Tòa án nhân dân, số 5/1995.
26. Phạm Hồng Hải. *Về chế định miễn trách nhiệm hình sự trong Bộ luật Hình sự năm 1999*. Tạp chí Dân chủ và pháp luật, số 12/2001.

27. Hệ Thống hoá các văn bản về đại xá, đặc xá. NXB Công an nhân dân. Hà Nội, 2000.
28. Hiến pháp nước Việt Nam dân chủ cộng hoà năm 1946.
29. Hiến pháp nước Việt Nam dân chủ cộng hoà năm 1959.
30. Hiến pháp nước Cộng hoà XHCN Việt Nam năm 1980.
31. Hiến pháp nước Cộng hoà XHCN Việt Nam năm 1992.
32. Nguyễn Ngọc Hoà (Chủ biên). *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*. NXB Công an nhân dân. Hà Nội, năm 2004.
33. Nguyễn Ngọc Hoà (Chủ biên). *Trách nhiệm hình sự và hình phạt*. NXB Công an nhân dân. Hà Nội, 2001.
34. Nguyễn Ngọc Hoà. *Mục đích của hình phạt*. Tạp chí Luật học, số 1/1999.
35. Nguyễn Mạnh Hùng. *Thuật ngữ pháp lý (Tập I)*. NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội, 2003.
36. Hướng dẫn số 01/HĐĐX, ngày 06/8/2002 của Hội đồng Tư vấn đặc xá Trung ương về việc thi hành Quyết định số 472/2002/QĐ/CTN.
37. Hướng dẫn số 02/HĐĐX, ngày 20/9/2002 của Hội đồng Tư vấn đặc xá Trung ương về việc hướng dẫn bổ sung việc thực hiện Quyết định đặc xá năm 2002.
38. Hướng dẫn số 01/HĐĐX, ngày 03/8/2004 của Hội đồng Tư vấn đặc xá Trung ương về việc thi hành Quyết định số 478/2004/QĐ/CTN.
39. Hướng dẫn số 02/HĐĐX, ngày 02/11/2004 của Hội đồng Tư vấn đặc xá Trung ương về việc thi hành Quyết định số 478/2004/QĐ/CTN.
40. Khâm định Việt sử thông giám cương mục. NXB Giáo dục. Hà Nội, 1998.
41. Nguyễn Thị Hồng Lan. *Chế định xoá án tích trong luật hình sự Việt Nam*. Khoá luận tốt nghiệp cử nhân luật (chuyên ngành luật hình sự) tại Khoa Luật trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003.

42. Ông Chu Lưu (Chủ biên). *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1999 (Tập I. Phần Chung)*. NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội, 2004.
43. Đinh Văn Quế. *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự 1999 - Phần chung*. NXB thành phố Hồ Chí Minh, 2000.
44. Đinh Văn Quế. *Về chế định xoá án trong luật hình sự*. Tạp chí Tòa án nhân dân, tháng 11/1997.
45. Quyết định số 472/2002/QĐ/CTN, ngày 29/7/2002 của Chủ tịch nước về đặc xá năm 2002.
46. Quyết định số 570 QĐ/CTN, ngày 30/8/2002 của Chủ tịch nước về đặc xá tha tù trước thời hạn đợt 2/9/2002.
47. Quyết định số 571 QĐ/CTN, ngày 30/8/2002 của Chủ tịch nước về đặc xá tha tù cho những phạm nhân đang được hoãn hoặc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù đợt 2/9/2002.
48. Quyết định số 715 QĐ/CTN, ngày 17/10/2002 của Chủ tịch nước về đặc xá tha tù trước thời hạn đợt tháng 10/2002.
49. Quyết định số 478/2004/QĐ/CTN, ngày 28/7/2004 của Chủ tịch nước về đặc xá năm 2004 - 2005.
50. Quyết định số 571/2004/QĐ/CTN, ngày 30/8/2004 của Chủ tịch nước về đặc xá tha tù trước thời hạn đợt 2/9/2004.
51. Quyết định số 572/2004/QĐ/CTN, ngày 30/8/2004 của Chủ tịch nước về đặc xá tha tù cho những phạm nhân đang được hoãn hoặc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù đợt 2/9/2004.
52. Quyết định số 109/2005/QĐ/CTN, ngày 27/1/2005 của Chủ tịch nước về đặc xá tha tù trước thời hạn đợt tháng 2/2005.
53. Quyết định số 110/2005/QĐ/CTN, ngày 27/1/2005 của Chủ tịch nước về đặc xá tha tù cho những phạm nhân đang được hoãn hoặc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù đợt tháng 2/2005.

54. Quyết định số 374/2005/QĐ/CTN, ngày 11/5/2005 của Chủ tịch nước về đặc xá tha tù trước thời hạn đợt tháng 5/2005.
55. Quyết định số 375/2005/QĐ/CTN, ngày 11/5/2005 của Chủ tịch nước về đặc xá tha tù cho những phạm nhân đang được hoãn hoặc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù đợt tháng 5/2005.
56. Quyết định số 950/2005/QĐ/CTN, ngày 25/8/2005 của Chủ tịch nước về đặc xá tha tù trước thời hạn đợt 2/9/2005.
57. Quyết định số 951/2005/QĐ/CTN, ngày 25/8/2005 của Chủ tịch nước về đặc xá tha tù cho những phạm nhân đang được hoãn hoặc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù đợt 2/9/2005.
58. Số chuyên đề về Luật hình sự của một số nước trên thế giới. Tạp chí Dân chủ và pháp luật. Hà Nội, 1998.
59. Giang Sơn. *Một số vấn đề về thi hành án tử hình trong luật tố tụng hình sự Việt Nam*. Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 9/1996.
60. Giang Sơn. *Xoá án tích, đại xá và đặc xá*. Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung). Đại học Huế. NXB Công an nhân dân. Hà Nội, 2002.
61. Lê Thị Sơn (Chủ biên). *Quốc triều hình luật Lịch sử hình thành, nội dung và giá trị*. NXB Khoa học xã hội. Hà Nội, 2004.
62. Lê Thị Sơn. *Trách nhiệm hình sự và miễn trách nhiệm hình sự*. Tạp chí Luật học, số 3/1998.
63. Trần Quang Tiệp. *Lịch sử luật hình sự Việt Nam*. NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội, 2003.
64. Vũ Tiến. *Cần sửa đổi, bổ sung các quy định về giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù*. Tạp chí Kiểm sát, số 11/2001.
65. Đào Trí Úc (Chủ biên). *Nghiên cứu hệ thống pháp luật Việt Nam thế kỷ XV - thế kỷ XVIII*. NXB Khoa học xã hội. Hà Nội, 1994.

66. Trịnh Tiến Việt. *Những trường hợp miễn trách nhiệm hình sự trong Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1999*. NXB Lao động - Xã hội, 2004.
67. Trịnh Tiến Việt. *Một số vấn đề về những trường hợp miễn trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 25 Bộ luật Hình sự năm 1999*. Tạp chí Kiểm sát, số 8/2004.
68. Võ Khánh Vinh (Chủ biên). *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*. NXB Công an nhân dân. Hà Nội, 2002.
69. Võ Khánh Vinh. *Khái quát những thành tựu và những phương hướng nghiên cứu của khoa học luật hình sự nước ta*. Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 3/2004.